

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI
PHÒNG**



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT
NGHIỆP**

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Linh

Thanh Phương

Sinh viên : Vũ Thị Mai

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN
VỐN BẰNG TIỀN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO
TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT THỰC HIỆN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH
QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Linh

Thanh Phương

Sinh viên : Vũ Thị Mai

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Mai Linh

Mã SV:

1354010457

Lớp: QT1307K

Ngành: Kế

toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền
trong kiểm toán

báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và tư
vấn kế toán An Phát

thực hiện.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lí luận về công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính

- Mô tả phân tích công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

- Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu của hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và

tên:.....

Học hàm, học

vị:.....

Cơ quan công

tác:.....

Nội dung hướng

dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06

năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao

nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người

hướng dẫn

tháng.....năm 2013

Hải Phòng, ngày

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.

- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hoá được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu

- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu

- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng

... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Đầy đủ
BCKT	Báo cáo kiểm toán
BCTC	Báo cáo tài chính
BGD	Ban giám đốc
DN	Doanh nghiệp
TK	Tài khoản
KH	Khách hàng
KSNB	(hệ thống) kiểm soát nội bộ
KTV	Kiểm toán viên

CÁC KÝ HIỆU KIỂM TOÁN QUY ƯỚC

Ký hiệu	Ý nghĩa
PY	Khớp với số liệu trên BCTC năm trước: Ký hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên BCTC đã kiểm toán năm trước
TB	Khớp với số liệu trên Bảng cân đối phát sinh: Ký hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên Bảng cân đối phát sinh
LS	Khớp với số liệu trên Bảng số liệu tổng hợp: Ký hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên Bảng số liệu tổng hợp
GL	Khớp với số liệu trên Sổ cái: Ký hiệu này đặt sau số liệu để thể hiện KTV đã đối chiếu số liệu đó phù hợp với số liệu trên Sổ cái tài khoản

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường thì nhu cầu thông tin đóng vai trò hết sức quan trọng cho mọi đối tượng vì đó là cơ sở để đưa ra các quyết định. Đối với doanh nghiệp thì thông tin tài chính luôn được nhiều đối tượng quan tâm với các mục đích khác nhau nhưng tất cả đều mong muốn những thông tin phải trung thực và hợp lý nhằm đảm bảo cho việc đưa ra các quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả. Nhưng những thông tin trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp không phải lúc nào cũng được trình bày và phản ánh trung thực kết quả hoạt động kinh doanh như thực trạng vốn có của nó. Vì vậy, các thông tin trên báo cáo tài chính phản ánh muốn có được độ tin cậy cao thì nó cần được kiểm tra và xác nhận. Trước sự đòi hỏi này, hoạt động kiểm toán ra đời nhằm đáp ứng yêu cầu trên, trong đó phải kể đến các tổ chức kiểm toán độc lập, nó có đóng góp lớn trong nền kinh tế với việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho những người quan tâm đến số liệu tài chính. Chính nhờ hoạt động kiểm toán độc lập đã giúp cho các đối tượng quan tâm có được thông tin trung thực và khách quan. Ngoài ra, thông qua hoạt động này mà môi trường kinh doanh trở nên lành mạnh và đây cũng là công cụ hữu ích cho Nhà nước điều tiết nền kinh tế vĩ mô.

Tiền là loại tài sản lưu động có tính luân chuyển linh hoạt và tính thanh khoản cao nhất. Mặt khác, tiền có liên quan đến nhiều hoạt động, nhiều chu kỳ khác nhau của đơn vị. Bởi vậy, thông tin về vốn bằng tiền chịu ảnh hưởng và cũng ảnh hưởng đến nhiều thông tin tài chính khác, như: chi phí, doanh thu, công nợ và hầu hết các tài sản khác của đơn vị.

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc kiểm toán khoản mục Vốn bằng tiền trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian thực tế được thực tập tại phòng nghiệp vụ 3 Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát em đã chọn đề tài:

“ Hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện” để làm khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lí luận về công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

Chương 3: Hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Đặc điểm vốn bằng tiền có ảnh hưởng tới kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.1. Khái niệm và phân loại vốn bằng tiền

❖ Khái niệm

Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc tài sản lưu động được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán.

❖ Phân loại

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm: Tiền mặt tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển (kể cả ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý).

Tiền mặt: Đây là số tiền được lưu trữ tại két của doanh nghiệp, tiền mặt có thể là tiền Việt Nam đồng, là ngoại tệ các loại, là vàng bạc, đá quý, kim loại quý,... có thể là ngân phiếu

Tiền gửi ngân hàng: Đây là số tiền được lưu trữ tại ngân hàng của doanh nghiệp. Tiền gửi ngân hàng có thể gồm: tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ các loại, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý....

Tiền đang chuyển: Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển gửi vào ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng, khách hàng thanh toán qua ngân hàng hoặc đường bưu điện nhưng doanh nghiệp chưa nhận được giấy báo của ngân hàng hay thông báo của bưu điện về việc hoàn thành nghiệp vụ. Tiền đang chuyển cũng có thể là tiền Việt Nam đồng cũng có thể là ngoại tệ các loại.

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền có ảnh hưởng tới kiểm toán báo cáo tài chính

Mỗi loại tiền mang những đặc điểm khác nhau và điều này ảnh hưởng tới đặc điểm quản lý đối với chúng cũng như quá trình kiểm soát, đối chiếu trong nội bộ đơn vị. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các loại tiền được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa để sản xuất - kinh doanh vừa là kết quả của việc mua bán, thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy, quy mô vốn bằng tiền phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp và là một bộ phận của vốn lưu động.

Trong kiểm toán đối với tiền, những đặc điểm quản lý đặc biệt là hạch toán tiền có ảnh hưởng quan trọng tới việc lựa chọn phương pháp kiểm toán. Việc đưa ra phương pháp kiểm toán phù hợp quyết định đến việc kiểm toán viên có thể thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ về số lượng và chất lượng.

❖ Đối với tiền mặt

Tiền mặt trong đơn vị thường xuyên biến động do các nghiệp vụ thu chi diễn ra hàng ngày. Các nghiệp vụ về tiền mặt thường liên quan đến nhiều tài khoản kế toán ở nhiều chu trình khác nhau, các nghiệp vụ diễn ra rất phong phú và đa dạng. Chẳng hạn:

Thu tiền mặt thường liên quan đến:

- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng trong hoạt động bán hàng thu trực tiếp bằng tiền mặt.

- Tài khoản 131 - Phải thu khách hàng trong hoạt động bán hàng khi thu nợ tiền hàng hay người mua đặt trước tiền hàng trong kỳ.

- Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng trong nghiệp vụ rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt để chuẩn bị chi tiêu.

- Các tài khoản khác (TK 121, 128, 141, 221, 411, ...) trong các loại nghiệp vụ thu hồi các khoản vốn đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn, thu hồi tiền tạm ứng, nhận vốn do bên khác góp liên doanh, ...

Chi tiền mặt thường liên quan đến:

- Các tài khoản hàng tồn kho, tài sản cố định (TK 152, 153, 156, 211, ...) trong các nghiệp vụ mua hàng và thanh toán ngay bằng tiền mặt.

- Các tài khoản thanh toán công nợ phải trả (TK 331, 334, 336, 338, ...) trong nghiệp vụ thanh toán tiền mua hàng, thanh toán tiền lương cho người lao động hay thanh toán các khoản công nợ phải trả khác phát sinh trong kỳ.

- Các tài khoản chi phí (TK 627, 635, 641, 642, ...) trong các nghiệp vụ chi tiền mặt liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính.

- Các tài khoản khác (121, 128, 221, ...) trong các nghiệp vụ chi tiền mặt về đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và đầu tư khác.

Sự phong phú, đa dạng và có liên quan đến hầu hết các chu kỳ hoạt động kinh doanh của các nghiệp vụ về tiền mặt đòi hỏi KTV khi kiểm toán tiền mặt cần phải chú ý xem xét trong mối liên hệ với kiểm toán các chu kỳ có liên quan.

❖ Đối với tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng cũng là một loại vốn bằng tiền, số dư của tiền gửi ngân hàng thường chiếm tỷ trọng lớn trong khoản mục “Tiền và tương đương tiền” trên bảng cân đối kế toán. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, các mối quan hệ kinh tế nảy sinh các nghiệp vụ về tiền gửi ngân hàng cũng rất phong phú, đa dạng và có nhiều điểm tương tự như đối với tiền mặt như : mua hàng, bán hàng, thanh toán, đầu tư, ...kể cả liên quan đến sự biến động của tiền mặt trong nghiệp vụ gửi tiền - rút tiền. Cụ thể như :

- Tài khoản 111 – Tiền mặt trong nghiệp vụ nộp tiền mặt vào ngân hàng, hay rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.

- Các tài khoản doanh thu (TK 511, 512, 515) trong các nghiệp vụ về thu tiền bán hàng, doanh thu từ hoạt động tài chính hay doanh thu từ hoạt động khác (TK 711)

- Các tài khoản công nợ (TK 131, 331) trong nhóm các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ thanh toán với người mua hàng, nhà cung cấp như : khách hàng trả nợ hoặc ứng trước, trả nợ hoặc ứng trước cho người bán.

- Các tài khoản về đầu tư tài chính (TK 121, 128, 221, 222,223,228) trong nghiệp vụ chi đầu tư tài chính hay thu hồi vốn đầu tư tài chính.

- Các tài khoản về hàng tồn kho (TK 151, 152, 153,156, 611) khi doanh nghiệp mua vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các tài khoản nợ vay, nghĩa vụ với nhà nước, phải trả công nhân viên chức, hay các khoản nợ khác (TK 331, 315, 333, 334, 338, 341, 343) khi đơn vị thực hiện thanh toán.

- Các tài khoản về vốn chủ sở hữu (TK 411) khi nhận vốn hay trả vốn cho chủ sở hữu.

- Các tài khoản về chi phí (TK 622, 641, 642, 635) trong các nghiệp vụ chi tiền gửi ngân hàng phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, bán hàng, hay hoạt động tài chính.

❖ *Đối với tiền đang chuyển*

Tiền đang chuyển phát sinh khi doanh nghiệp thực hiện thanh toán với khách hàng, hay khi đã chuyển tiền vào ngân hàng mà chưa nhận được giấy báo của ngân hàng. Tuy các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền đang chuyển không nhiều và phong phú như tiền mặt hay tiền gửi ngân hàng, song đây là khoản mục phát sinh thường xuyên và có quan hệ trực tiếp đến tiền gửi trong mối quan hệ kinh tế giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

Xuất phát từ những đặc điểm, chức năng và tính chất thường xuyên phát sinh của các loại tiền việc hạch toán ghi nhận thu - chi, và bảo quản tiền phải đảm bảo được:

- Hàng ngày, kế toán tiền mặt phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong việc quản lý và sử dụng tiền mặt.

- Kế toán tiền gửi phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt. Đồng thời phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp, giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

1.2. Khả năng xảy ra gian lận và sai sót đối với vốn bằng tiền

Kinh nghiệm kiểm toán từ các công ty kiểm toán lớn cho thấy khả năng sai phạm đối với tiền là rất đa dạng. Sai phạm có thể xảy ra ở cả ba loại tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Đồng thời sai phạm có thể liên quan tới tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý...

- Đối với tiền mặt khả năng sai phạm thường có các trường hợp sau:
 - Tiền được ghi chép không có thực trong két tiền mặt.
 - Các khả năng chi khống, chi tiền quá giá trị thực bằng cách làm chứng từ khống, sửa chữa chứng từ, khai tăng chi, giảm thu để biến thủ tiền.
 - Khả năng hợp tác giữa thủ quỹ và cá nhân làm công tác thanh toán trực tiếp với khách hàng để biến thủ tiền.
 - Khả năng mất mát tiền do điều kiện bảo quản, quản lý không tốt.
 - Khả năng sai sót do những nguyên nhân khác nhau dẫn tới khai tăng hoặc khai giảm khoản mục Tiền trên Bảng cân đối kế toán.
 - Đối với ngoại tệ, khả năng có thể ghi sai tỷ giá khi quy đổi với mục đích trục lợi khi tỷ giá thay đổi hoặc thanh toán sai do áp dụng sai nguyên tắc hạch toán ngoại tệ.
- Đối với tiền gửi ngân hàng, khả năng xảy ra sai phạm dường như thấp hơn do cơ chế kiểm soát, đối chiếu với tiền gửi ngân hàng thường được đánh giá là khá chặt chẽ. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra khả năng các sai phạm dưới đây:
 - Quên không tính tiền khách hàng.
 - Tính tiền khách hàng với giá thấp hơn giá do công ty ấn định

- Sự biến thủ tiền thông qua việc ăn chặn các khoản tiền thu từ khách hàng trước khi chúng được ghi vào sổ.
- Thanh toán một hoá đơn nhiều lần.
- Thanh toán tiền lãi cho một phần tiền cao hơn hiện hành.
- Khả năng hợp tác giữa nhân viên ngân hàng và nhân viên thực hiện giao dịch thường xuyên với ngân hàng.
- Chênh lệch giữa số liệu theo ngân hàng và theo tính toán của kế toán ngân hàng tại đơn vị.
 - Đối với tiền đang chuyển: Do tính chất và đặc điểm của tiền đang chuyển mà sai phạm đối với mục này có mức độ thấp. Tuy nhiên khả năng sai phạm tiềm tàng của tiền đang chuyển cũng rất lớn:
 - Tiền bị chuyển sai địa chỉ.
 - Ghi sai số tiền chuyển vào ngân hàng, chuyển thanh toán.
 - Nộp vào tài khoản muộn và dùng tiền vào mục đích khác.

1.3. Kiểm soát nội bộ đối với vốn bằng tiền

Để quản lý tốt vốn bằng tiền trong nội bộ doanh nghiệp thì trước hết cần tách biệt việc bảo quản vốn bằng tiền khỏi việc ghi chép các nghiệp vụ này. Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải phân công một số nhân viên làm nhiệm vụ ghi sổ để kiểm tra công việc của người này thông qua công việc của người kia. Việc phân chia trách nhiệm như trên là nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt.

Các bước để quản lý nội bộ đối với vốn bằng tiền :

- Tách biệt nhiệm vụ giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán – những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt, ban hành chế độ kiểm kê quỹ, quy định rõ ràng trách nhiệm cá nhân trong việc quản lý tiền tại quỹ.
- Lập bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền mặt tại thời điểm nhận tiền mặt.

- Thực hiện thanh toán bằng séc, chỉ nên dùng tiền mặt cho các khoản chi tiêu vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả séc.
- Trước khi phát hành một tờ séc để thanh toán, phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi tránh việc phát hành séc quá số dư.
- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng kí séc.

1.3.1. Khảo sát kiểm soát nội bộ đối với tiền mặt

Về hoạt động kiểm soát nội bộ đối với tiền mặt ở từng đơn vị được thiết kế không hoàn toàn giống nhau, vì nó phụ thuộc vào đặc điểm và điều kiện kinh doanh cụ thể. Tuy vậy, thiết kế về kiểm soát nội bộ về cơ bản vẫn phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Nhân viên liên quan đến nghiệp vụ quản lý tiền mặt phải có đủ năng lực và tính liêm chính.

- Đảm bảo nguyên tắc “Bất kiêm nhiệm”

- Tập trung đầu mối thu (hạn chế số người nắm giữ tiền)

- Ghi chép kịp thời, đầy đủ số tiền thu vào và thực hiện nộp ngay trong ngày.

- Đối chiếu số liệu tiền mặt hàng ngày giữa kế toán quỹ và thủ quỹ, kiểm kê đối chiếu quỹ cuối tháng.

- Cung cấp phiếu thu tiền cho người nộp tiền.

Hoạt động kiểm soát nội bộ đối với tiền mặt được thực hiện phù hợp với những quy định về quản lý tiền mặt của nhà nước ban hành và trên cơ sở tổ chức phân công, phân nhiệm của đơn vị.

Mục tiêu cơ bản của khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tiền mặt là nhằm xem xét đánh giá về sự hiện diện, tính liên tục và sự hiện hữu của hoạt động kiểm soát. Nội dung và thể thức khảo sát về kiểm soát nội bộ thường tập trung vào các vấn đề chính sau đây:

- Khảo sát, xem xét các quy định về phân công nhiệm vụ và về trách nhiệm của các nhân viên, các bộ phận liên quan.

- Khảo sát, xem xét quy trình duyệt chi tiền mặt và khâu tổ chức bảo quản chứng từ thu, chi tiền mặt, tài liệu liên quan.

- Khảo sát, xem xét việc phân công trách nhiệm trong khâu kiểm tra, soát xét đối với các thủ tục, các chứng từ, các việc tính toán và đối với việc ghi chép kế toán (khâu hoàn thiện chứng từ và hạch toán).

- Khảo sát, xem xét việc chấp hành quy định về kiểm tra, đối chiếu tiền mặt hàng ngày và việc nộp quỹ, tồn quỹ tiền mặt.

- Khảo sát, xem xét việc tổ chức bảo quản tiền mặt, kể cả việc bảo hiểm tiền mặt và vấn đề ký quỹ của thủ quỹ (nếu có).

Những công việc khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tiền mặt nói trên giúp cho kiểm toán viên đánh giá được mức độ hiệu lực của kiểm soát nội bộ và mức độ rủi ro kiểm soát đối với tiền mặt. Từ đó xác định phạm vi và thiết kế các khảo sát cơ bản để kiểm toán đối với các số liệu kế toán về tiền mặt.

1.3.2. Khảo sát kiểm soát nội bộ đối với tiền gửi ngân hàng

Sự thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ đối với tiền gửi ngân hàng cũng tuân thủ các nguyên tắc cơ bản như đã nêu đối với kiểm soát tiền mặt, ngoài ra còn được hỗ trợ bởi quy định về chế độ thanh toán không dùng tiền mặt đối với những khoản thanh toán có giá trị lớn.

Các thủ tục, thể thức khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tiền gửi ngân hàng về cơ bản tương tự như đối với tiền mặt. Những khảo sát phổ biến thường phải thực hiện gồm:

- Khảo sát, xem xét về sự tách biệt hoàn toàn trách nhiệm giữa chức năng ký phát hành séc chi tiền với chức năng thực hiện nghiệp vụ thanh toán xem có được đảm bảo hay không.

- Xem xét việc quản lý chi tiêu tiền gửi ngân hàng, việc ký séc, việc sử dụng séc của đơn vị có đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý séc hay không.

- Khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ của đơn vị đối với tiền gửi ngân hàng, đặc biệt là đối với việc thực hiện chức năng kiểm soát khâu chi duyệt và khâu ký séc đơn vị.

- Khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ trong khâu tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu có liên quan đến tiền gửi ngân hàng có đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ không: ví dụ như công việc đối chiếu số liệu với ngân hàng, tổng hợp, cân chỉnh hàng tháng; người thực hiện đối chiếu và sự độc lập của người thực hiện với các ngân hàng có giao dịch

Các khảo sát đối với kiểm soát nội bộ nói trên là cơ sở để kiểm toán viên đánh giá về hiệu lực của kiểm soát nội bộ và mức độ rủi ro kiểm soát liên quan đến tiền gửi ngân hàng, từ đó xác định phạm vi thực hiện các khảo sát cơ bản tiếp theo.

1.3.3. Khảo sát kiểm soát nội bộ đối với tiền đang chuyển

Sự kiểm soát nội bộ đối với tiền đang chuyển chủ yếu tập trung vào việc phân cấp, phân nhiệm cho người giao nhiệm vụ thực hiện công việc chuyển tiền và sự phê chuẩn, xét duyệt về hồ sơ, thủ tục liên quan đến việc cho phép chuyển tiền của đơn vị. Bởi vậy, thể thức và nội dung khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tiền đang chuyển chủ yếu bao gồm:

- Khảo sát đối với các quy định của đơn vị về phân công, phân nhiệm trong việc thực hiện công việc chuyển tiền và quản lý công việc đó có đảm bảo đầy đủ, hợp lý và chặt chẽ hay không.

- Khảo sát đối với việc thực hiện việc kiểm soát trong quá trình thực hiện công việc chuyển tiền (trình tự, thủ tục về hồ sơ, về sự phê chuẩn, xét duyệt chuyển tiền,...) có đảm bảo được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và tỷ mỉ hay không.

Việc khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với tiền đang chuyển còn được đồng thời liên hệ với khảo sát về kiểm soát các loại vốn bằng tiền khác, đặc biệt là đối với tiền gửi ngân hàng.

1.4. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán vốn bằng tiền

1.4.1. Mục tiêu kiểm toán vốn bằng tiền

Tổ chức thực hiện công việc kiểm toán đối với các thông tin về vốn bằng tiền có thể kết hợp hoặc phải được tham chiếu với kiểm toán các chu kỳ có liên quan. Mục tiêu kiểm toán cụ thể chủ yếu gồm:

- Kiểm tra, đánh giá tính hiệu lực của hoạt động kiểm soát nội bộ trong quản lý các nghiệp vụ biến động của các loại tiền, trên các khía cạnh: sự đầy đủ và thích hợp của các quy chế kiểm soát; sự hiện diện, tính thường xuyên, liên tục và tính hiện hữu của các quy chế kiểm soát nội bộ.

- Kiểm tra và xác nhận về mức độ trung thực và hợp lý của các khoản mục về tiền trên các báo cáo tài chính (trước hết là trên bảng cân đối kế toán và thuyết minh báo cáo tài chính), cụ thể trên các khía cạnh chủ yếu sau:

- + Sự thực tế phát sinh (có thật) của các nghiệp vụ về vốn bằng tiền đã ghi sổ.

- + Sự đánh giá, tính toán đối với các nghiệp vụ khi ghi sổ có hợp lý và chính xác hay không.

- + Sự phân loại và hạch toán các nghiệp vụ về vốn bằng tiền có đảm bảo đầy đủ, đúng đắn hay đúng kỳ hay không.

- + Mức độ chính xác trong tính toán, tổng hợp số liệu để lập báo tài chính và sự nhất quán giữa số liệu trình bày trên báo cáo tài chính với số liệu trên sổ kế toán tương ứng; Sự phù hợp của việc trình bày thông tin trên báo cáo tài chính với chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định có liên quan.

1.4.2. Căn cứ kiểm toán vốn bằng tiền

Sự vận động của Vốn bằng tiền nằm trong sự quản lý của đơn vị đồng thời tuân thủ các quy chế quản lý tiền tệ nói chung của nhà nước. Các quy chế của nhà nước và của đơn vị vừa là căn cứ để tổ chức quản lý vừa là căn cứ để KTV xem xét đánh giá thực tiễn về quản lý tiền của đơn vị. Bản thân đơn vị lại dựa vào các chuẩn mực, chế độ, nguyên tắc kế toán để tổ chức theo dõi,

hạch toán các nghiệp vụ kinh tế có liên quan, làm cơ sở để tổng hợp và báo cáo về các thông tin tài chính này.

Công việc kiểm toán Vốn bằng tiền phải dựa vào các nguồn tài liệu có liên quan đến quá trình hoạt động quản lý và hạch toán đối với tiền nói trên. Có thể khái quát những nguồn tài liệu, thông tin chủ yếu làm căn cứ kiểm toán gồm:

- Các chính sách, chế độ liên quan đến quản lý tiền do nhà nước ban hành như: quy định về mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, quy định về thanh toán qua ngân hàng, thanh toán không dùng tiền mặt; quy định về phát hành séc; quy định về quản lý và hạch toán ngoại tệ; vàng bạc đá quý;...
- Các quy định của Hội đồng quản trị hay Ban giám đốc đơn vị về trách nhiệm, quyền hạn, trình tự, thủ tục phê chuẩn, xét duyệt chi tiêu, sử dụng tiền; về phân công trách nhiệm giữ quỹ, kiểm kê - đối chiếu quỹ, báo cáo quỹ;...
- Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Các sổ hạch toán, bao gồm sổ hạch toán nghiệp vụ (sổ quỹ, sổ theo dõi ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, nhật ký ghi chép công việc) và các sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết của các tài khoản liên quan trong hạch toán các nghiệp vụ về Vốn bằng tiền (TK 111, 112, 113, 121, 131, 331, ...)
- Các chứng từ kế toán về các nghiệp vụ biến động về Vốn bằng tiền như: phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có, chứng từ chuyển tiền,...
- Các hồ sơ tài liệu khác liên quan đến Vốn bằng tiền như: hồ sơ về phát hành séc, hồ sơ về phát hành trái phiếu, biên bản về thanh toán công nợ, ...

1.5. Nội dung kiểm toán vốn bằng tiền

1.5.1. Khái quát kiểm toán báo cáo tài chính

➤ *Khái niệm*

Kiểm toán báo cáo tài chính là hoạt động của các kiểm toán viên độc lập và có năng lực tiến hành thu thập và đánh giá các bằng chứng kiểm toán về các báo cáo tài chính được kiểm toán nhằm kiểm tra và xác nhận về mức độ trung thực hợp lý của báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính có thể được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, và kiểm toán Nhà nước. Tuy nhiên, một yêu cầu chung khi kiểm toán báo cáo tài chính là kiểm toán viên phải độc lập và có năng lực. Độc lập là nguyên tắc cơ bản đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, nó đảm bảo cho quá trình kiểm toán cũng như ý kiến cuối cùng trên báo cáo kiểm toán là khách quan. Còn năng lực là cơ sở đảm bảo cho kiểm toán viên có thể tổ chức, triển khai và hoàn thành cuộc kiểm toán có hiệu quả. Trong quá trình kiểm toán đòi hỏi kiểm toán viên phải xét đoán và tự chịu trách nhiệm rất nhiều. Kiểm toán viên, với tư cách là chủ thể trực tiếp thực hiện công việc kiểm toán, do vậy phải có đủ năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ do công việc kiểm toán đặt ra.

Trong kiểm toán báo cáo tài chính, đối tượng kiểm toán là báo cáo tài chính, gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này chứa đựng những thông tin tài chính và thông tin phi tài chính, thông tin định lượng và thông tin không định lượng, phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình và kết quả lưu chuyển tiền tệ và các thông tin cần thiết khác để người sử dụng báo cáo tài chính có thể phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình và kết quả kinh doanh của đơn vị.

Bằng chứng kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính gồm những bằng chứng liên quan đến các nghiệp vụ, các số dư tài khoản và cả những bằng chứng khác như những bằng chứng về hệ thống kiểm soát nội bộ, về tình hình

kinh doanh, về lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, về các nghĩa vụ và tình hình tuân thủ pháp luật của đơn vị... Chúng có thể tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và bằng nhiều kỹ thuật khác nhau. Dựa trên các bằng chứng kiểm toán này, kiểm toán viên hình thành nên ý kiến của mình trên báo cáo kiểm toán về mức độ trung thực hợp lý của báo cáo tài chính được kiểm toán.

Cơ sở của các báo cáo tài chính là các quy định về kế toán, gồm cả quy định pháp lý về kế toán như Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán, và quy định về kế toán tại đơn vị như các quy định về hệ thống tài khoản, hình thức sổ kế toán, các chính sách kế toán. Ngoài ra, cơ sở của các báo cáo tài chính còn bao gồm cả các quy định pháp lý khác có liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động kinh doanh của đơn vị như những quy định về sản xuất kinh doanh, trao đổi, mua bán sản phẩm, quản lý lao động, vật tư nghĩa vụ đối với ngân sách. Các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan nói trên là chuẩn mực để kiểm toán viên đánh giá các thông tin tài chính, đánh giá BCTC đã được kiểm toán.

Kết quả của kiểm toán BCTC là các báo cáo kiểm toán, trong đó nêu rõ ý kiến của kiểm toán viên về mức độ trung thực hợp lý của BCTC được kiểm toán. Ngoài ra, kết quả kiểm toán còn có thể gồm cả thư quản lý nêu lên những tồn tại trong việc thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ, trong việc tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính ở đơn vị đồng thời đề xuất hướng khắc phục để đơn vị nâng cao chất lượng của các báo cáo tài chính.

➤ ***Mục tiêu kiểm toán báo cáo tài chính***

BCTC của các doanh nghiệp dành được sự quan tâm của nhiều đối tượng khác nhau như Nhà nước, các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư, các nhà cung cấp... Tuy mỗi đối tượng quan tâm đến BCTC ở các góc độ khác nhau song tựu chung lại, họ đều cần một BCTC trung thực và có độ tin cậy cao.

Mục tiêu của kiểm toán BCTC là nhằm xác định độ tin cậy của BCTC, làm căn cứ để doanh nghiệp quyết toán thuế đối với Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin đưa ra các quyết định phù hợp với lợi ích của họ. Như vậy, thông tin trên BCTC đã được kiểm toán là thông tin đáng tin cậy và có ý nghĩa quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp, Nhà nước và bên thứ ba.

Theo như Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 200 – Mục tiêu và nguyên tắc kiểm toán BCTC (VAS.200) thì “*Kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến xác nhận rằng báo cáo tài chính có được lập trên cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), có tuân thủ pháp luật liên quan và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu hay không*”.

Có thể nói rằng sự tham gia của KTV làm tăng thêm độ tin cậy đối với BCTC của doanh nghiệp. Tuy nhiên, người sử dụng BCTC đã được kiểm toán phải có hiểu biết về chuẩn mực kiểm toán để tránh nhầm tưởng rằng ý kiến KTV là sự bảo đảm về khả năng tồn tại của doanh nghiệp trong tương lai và việc kiểm toán BCTC làm giảm trách nhiệm của Giám đốc doanh nghiệp được kiểm toán đối với BCTC.

Ngoài ra, đối với các doanh nghiệp được kiểm toán BCTC còn giúp cho doanh nghiệp thấy được những tồn tại, sai sót của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ. Từ đó, có thể nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán và quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.5.2. Quy trình kiểm toán vốn bằng tiền

1.5.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán

Lập kế hoạch là công việc đầu tiên mà các KTV cần thực hiện trong mỗi cuộc kiểm toán. Theo VSA số 300 – “*Lập kế hoạch kiểm toán*” đã nêu rõ “*KTV và công ty kiểm toán cần lập kế hoạch kiểm toán để có thể đảm bảo cuộc kiểm toán được tiến hành một cách hiệu quả*”. Như vậy việc lập kế hoạch kiểm toán không chỉ xuất phát từ yêu cầu của chính cuộc kiểm toán mà

còn là nguyên tắc cơ bản đã được quy định thành chuẩn mực và đòi hỏi các KTV phải tuân theo đầy đủ nhằm đảm bảo tiến hành cuộc kiểm toán có chất lượng và hiệu quả.

Lập kế hoạch kiểm toán đối với khoản mục vốn bằng tiền gồm các bước công việc sau:

❖ ***Chuẩn bị kế hoạch kiểm toán***

Chuẩn bị kế hoạch kiểm toán được bắt đầu bằng việc KTV tiếp nhận một khách hàng, KTV sẽ tiến hành các công việc cần thiết bao gồm: tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, điều tra khách hàng, đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán, lựa chọn đội ngũ nhân viên thực hiện kiểm toán và làm hợp đồng kiểm toán.

❖ ***Thu thập thông tin cơ sở***

VSA số 300 đã chỉ rõ: “*Khi lập kế hoạch kiểm toán, KTV phải có hiểu biết về hoạt động của đơn vị được kiểm toán để nhận biết được các sự kiện, nghiệp vụ có thể ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC*”. Theo quyết định này thì khi lập kế hoạch kiểm toán vốn bằng tiền cần thực hiện các bước sau:

- Tìm hiểu các thông tin về vốn bằng tiền của khách hàng.
- Xem xét lại kết quả kiểm toán vốn bằng tiền của cuộc kiểm toán trước và hồ sơ kiểm toán chung.
- Nhận diện các bên liên quan
- Tham quan nhà xưởng và dự kiến nhu cầu về chuyên gia bên ngoài trong trường hợp cần thiết.

❖ ***Thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng.***

Việc thu thập các thông tin về nghĩa vụ pháp lý của khách hàng đối với vốn bằng tiền giúp cho KTV nắm bắt được quy trình mang tính pháp lý có ảnh hưởng đến khoản mục. Những thông tin này được thu thập trong quá trình tiếp xúc khách hàng thông qua:

- Giấy phép thành lập và Điều lệ công ty

- Các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán, biên bản thanh tra hay kiểm tra của năm hiện hành hay trong vài năm trước

- Biên bản các cuộc họp cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc,...

❖ ***Thực hiện các thủ tục phân tích sơ bộ***

Việc thực hiện thủ tục phân tích trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán đã được ghi rõ trong VSA: “*KTV phải thực hiện các quy trình phân tích khi lập kế hoạch kiểm toán và giai đoạn soát xét tổng thể về kế hoạch kiểm toán*”.

Các thủ tục phân tích chủ yếu được áp dụng trong giai đoạn này là thủ tục phân tích ngang và phân tích dọc.

Phân tích ngang: Là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các trị số của cùng một chỉ tiêu liên quan đến tiền trên BCTC.

Phân tích dọc: Là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các tỷ lệ tương quan của các chỉ tiêu và khoản mục khác nhau liên quan đến tiền trên BCTC.

❖ ***Đánh giá tính trọng yếu và rủi ro của khoản mục vốn bằng tiền***

Mức độ trọng yếu sẽ được các KTV xác định trong từng cuộc kiểm toán và chỉ có ý nghĩa trong cuộc kiểm toán đó. Mức độ trọng yếu phụ thuộc vào các yếu tố sau: Quy mô và hoạt động của doanh nghiệp; Hệ thống tổ chức và quản lý của doanh nghiệp; Kinh nghiệm của KTV đối với doanh nghiệp; Các yếu tố định tính như quy định của pháp luật, quy chế của doanh nghiệp.

Cùng với việc đánh giá mức độ trọng yếu KTV phải thực hiện đánh giá rủi ro đối với khoản mục. Có 2 loại rủi ro mà KTV cần đánh giá trong giai đoạn lập kế hoạch:

Thứ nhất, rủi ro tiềm tàng : Do số phát sinh của các tài khoản tiền thường lớn hơn số phát sinh của nhiều tài khoản khác, vì thế những sai phạm trong các nghiệp vụ liên quan đến tiền thường lớn.

Thứ hai, rủi ro kiểm soát: Thông qua quá trình tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ đối với tiền của khách hàng mà kiểm toán viên đánh giá rủi ro kiểm soát là cao hay thấp. Nếu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng đối với tiền là tốt thì rủi ro kiểm soát sẽ ở mức thấp và ngược lại.

Sau cùng KTV đưa ra kế hoạch chi tiết, kế hoạch chi tiết đó đã xác định cụ thể các trình tự kiểm toán và các thủ pháp, các bước công việc cụ thể sẽ phải thực hiện như; kiểm tra đối chiếu chứng từ, kiểm tra sổ và báo cáo kế toán, đối chiếu hợp đồng, đối chiếu với ngân hàng, kiểm kê quỹ tiền mặt, tính toán phân tích các chỉ tiêu...

❖ ***Tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát***

Quy trình đánh giá hệ thống KSNB đối với vốn bằng tiền được tiến hành qua hai bước thu thập hiểu biết về hệ thống KSNB và đánh giá rủi ro kiểm soát.

Để hiểu biết về hệ thống KSNB đối với khoản mục vốn bằng tiền, KTV cần phải tìm hiểu các thủ tục và quy trình đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển đồng thời phải tìm hiểu hệ thống kế toán áp dụng đối với tiền. Để đánh giá hệ thống KSNB, KTV thường lập Bảng câu hỏi về hệ thống KSNB đối với tiền. Trên Bảng câu hỏi này phản ánh thông tin: các mục tiêu của KSNB đối với vốn bằng tiền, mô tả thực trạng của hệ thống KSNB mà KTV thu thập được, nguyên tắc thiết kế các thủ tục kiểm soát tương ứng với thực trạng đó. Căn cứ vào hiểu biết về hệ thống KSNB của khách hàng KTV sẽ đánh giá rủi ro kiểm soát. KTV có thể đánh giá rủi ro kiểm soát theo yếu tố định tính như các mức thấp, trung bình, cao hoặc tỷ lệ phần trăm.

❖ ***Thiết kế chương trình kiểm toán***

Chương trình kiểm toán vốn bằng tiền là những dự kiến chi tiết về nội dung, thời gian, phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thực hiện và sự phân công công việc trong nhóm kiểm toán cũng như dự kiến về những tư liệu, thông tin liên quan đến tiền cần sử dụng và thu thập. Việc thiết kế chương trình kiểm toán phải dựa trên những hiểu biết về tính trọng yếu, rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, mức độ bảo đảm phải đạt được thông qua thử nghiệm cơ bản, kinh nghiệm của KTV trong những lần kiểm toán trước...

1.5.2.2. Thực hiện kiểm toán vốn bằng tiền

❖ Thực hiện thử nghiệm kiểm soát

Thử nghiệm kiểm soát thường được thực hiện đối với khoản mục tiền tập trung vào sự hiện diện của các qui chế kiểm soát tiền, sự hoạt động của các qui chế kiểm soát tiền và sự hoạt động liên tục của các qui chế kiểm soát tiền.

Sau khi có được những hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng, KTV có thể tiến hành thực hiện các thủ tục khác nhau để thực hiện thử nghiệm kiểm soát đối với kiểm soát nội bộ tiền. KTV thường tách biệt về việc thực hiện thử nghiệm kiểm soát đối với các loại tiền cụ thể: Thử nghiệm kiểm soát các nghiệp vụ tiền mặt, thử nghiệm kiểm soát các nghiệp vụ tiền gửi ngân hàng, thử nghiệm kiểm soát các nghiệp vụ tiền đang chuyển.

Đối với tiền mặt

Mục tiêu cơ bản của thử nghiệm kiểm soát đối với tiền mặt là nhằm xem xét đánh giá về sự hiện diện, tính liên tục và sự hữu hiệu của hoạt động kiểm soát. Nội dung của thử nghiệm kiểm soát đối với tiền mặt thường tập trung vào các vấn đề chính sau đây :

- Xem xét việc phân công trách nhiệm trong khâu kiểm tra, soát xét đối với các thủ tục, các chứng từ, các việc tính toán và đối với việc ghi chép kế toán (khâu kiểm soát hoàn thiện chứng từ và hạch toán).

Thủ tục khảo sát chủ yếu gồm:

+ Xem xét các văn bản quy định trách nhiệm trong khâu kiểm soát hoàn chỉnh chứng từ và hạch toán

+ Quan sát hoạt động thực hiện kiểm soát của nhân viên kế toán; phỏng vấn các nhân viên liên quan và thực hiện kiểm tra hệ thống một số nghiệp vụ đã được xử lý và hạch toán.

- Xem xét các quy định về phân công nhiệm vụ và về trách nhiệm của các nhân viên, các bộ phận liên quan, như :

+ Phân công người giữ quỹ và chế độ trách nhiệm về quản lý quỹ.

+ Sự phân công công việc giữa các nhân viên trong các khâu hạch toán có đảm bảo cho việc thực hiện hạch toán tiền mặt kịp thời và đầy đủ hay không.

+ Phân công và sự tách biệt giữa cán bộ có trách nhiệm duyệt chi với thủ quỹ.

Việc xem xét trên được thực hiện bằng cách kiểm tra các văn bản quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm; thực hiện phỏng vấn các nhân viên liên quan kết hợp quan sát trực tiếp sự vận hành của một số khâu công việc.

- *Xem xét việc chấp hành quy định về kiểm tra, đối chiếu tiền mặt hàng ngày và việc nộp quỹ, tồn quỹ tiền mặt, bao gồm:*

+ Kiểm tra việc chấp hành quy định về nộp ngay số thu tiền mặt vào ngân hàng (gửi vào tài khoản tiền gửi ngân hàng) và chấp hành quy định về tồn quỹ tiền mặt.

+ Xem xét việc kiểm quỹ và đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt hàng ngày có được đơn vị thực hiện nề nếp hay không.

+ Xem xét việc thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt cuối tháng và đối chiếu với sổ kế toán có được thực hiện nghiêm túc, đều đặn không.

- *Xem xét quy trình duyệt chi tiền mặt và khâu tổ chức bảo quản chứng từ thu, chi tiền mặt, tài liệu liên quan, như :*

+ Việc thực hiện quy trình duyệt chi tiền mặt có được giới hạn ở một số người đảm bảo sự chặt chẽ theo nguyên tắc “phân công và ủy quyền” hay không

+ Công việc tổ chức lưu giữ, bảo quản chứng từ, tài liệu liên quan đến tiền mặt, đặc biệt là chứng từ thu, chi tiền mặt có được đơn vị chú ý bảo quản, bảo vệ như thế nào.

- *Xem xét việc tổ chức bảo quản tiền mặt, kể cả việc bảo hiểm tiền mặt và vấn đề ký quỹ của thủ quỹ (nếu có) :* Xem xét hệ thống bảo vệ tiền mặt của đơn vị, như két đựng tiền, hệ thống chống cháy, hệ thống báo động, ... có đảm bảo an toàn cho tiền mặt tại quỹ hay không.

Thử nghiệm kiểm soát đối với tiền mặt nói trên giúp cho kiểm toán viên đánh giá được mức độ hiệu lực của KSNB và mức độ rủi ro kiểm soát đối với tiền mặt. Từ đó xác định phạm vi và thiết kế các khảo sát cơ bản để kiểm toán đối với các số liệu kế toán về tiền mặt.

Đối với tiền gửi ngân hàng

Các thử nghiệm kiểm soát đối với tiền gửi ngân hàng về cơ bản tương tự như đối với tiền mặt. Những khảo sát phổ biến thường phải thực hiện gồm:

- Xem xét về sự tách biệt hoàn toàn trách nhiệm giữa chức năng ký phát hành séc chi tiền với chức năng thực hiện nghiệp vụ thanh toán xem có được đảm bảo hay không.

- Xem xét việc quản lý chi tiêu tiền gửi ngân hàng, việc ký séc, việc sử dụng séc của đơn vị có đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý séc hay không.

- Xem xét về sự hoạt động kiểm soát nội bộ của đơn vị đối với tiền gửi ngân hàng, đặc biệt là đối với việc thực hiện chức năng kiểm soát khâu duyệt chi và khâu ký séc ở đơn vị.

- Khảo sát về hoạt động kiểm soát nội bộ trong khâu tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu có liên quan đến tiền gửi ngân hàng có đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ không.

Đối với tiền đang chuyển

- Kiểm tra việc phân công nhiệm vụ cho người thực hiện chuyển tiền có đảm bảo các quy định về chuyển tiền hay không. Kiểm tra thực hiện quy trình này trên thực tế như thế nào.

- Kiểm tra các quy định về chuyển tiền như hồ sơ thanh toán, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi. Kiểm tra việc phê chuẩn đối với các hồ sơ, thủ tục liên quan tới chuyển tiền của người có thẩm quyền.

❖ Thực hiện các thủ tục phân tích

Số dư đầu năm và số dư cuối năm của các khoản mục tiền phải được so sánh để xác định mức độ biến động bao gồm cả biến động tuyệt đối và biến

động tương đối và tìm hiểu nguyên nhân của biến động đó. Kiểm toán viên lập bảng tổng hợp các khoản thu, chi tiền mặt theo tháng, chọn những tháng có tình hình thu chi đột biến và kiểm tra nguyên nhân. Bảng tổng hợp các khoản thu, chi tiền gửi ngân hàng cần được lập theo tháng, kiểm toán viên nên lập đối với từng tài khoản ngân hàng được mở, tương tự kiểm tra như đối với thu chi tiền mặt. Việc thực hiện thủ tục phân tích này giúp cho kiểm toán viên có cái nhìn tổng quát về việc chi tiêu của doanh nghiệp trong kỳ kế toán vừa qua.

❖ ***Thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết***

✓ **Kiểm tra chi tiết tiền mặt**

Kiểm tra chi tiết về nghiệp vụ thu, chi tiền mặt

- Mục tiêu kiểm toán “*Sự phát sinh*”: Các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt ghi sổ là đã thực tế phát sinh và có căn cứ hợp lý.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến:

+ Kiểm tra bằng chứng về sự phê duyệt chi tiền của người có trách nhiệm. Cần lưu ý kiểm tra mẫu những chứng từ chi tiền có khoản chi lớn hay bất thường về nội dung chi; Xem xét các trường hợp chi có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ gốc chứng minh và có hợp lý, hợp lệ hay không.

+ Đối chiếu chứng từ thu, chi tiền với các tài liệu, chứng từ gốc chứng minh nghiệp vụ thu, chi tiền mặt. Kiểm tra tên và số tiền của người nộp tiền, nhận tiền trên chứng từ thu, chi tiền mặt và trên các chứng từ khác có liên quan.

+ Kiểm tra, xem xét việc ghi chép nhật ký quỹ (thu, chi tiền mặt); Kiểm tra, đối chiếu việc ghi sổ kế toán tiền mặt và các sổ kế toán liên quan.

+ Kiểm tra các khoản chi tiền cho khách hàng về giảm giá, hoa hồng đại lý,.. có đúng chính sách bán hàng đã được quy định hay không. Kiểm tra đối chiếu với việc ghi sổ kế toán các tài khoản liên quan để đảm bảo rằng khoản tiền đã thực chi và khách hàng đã thực nhận.

- Mục tiêu kiểm toán “*Sự tính toán, đánh giá*”: Các khoản thu, chi tiền mặt ghi sổ kế toán đều được tính toán, đánh giá đúng đắn.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ Kiểm tra việc tính toán thu, chi tiền mặt và đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với sổ quỹ của thủ quỹ. Việc kiểm tra này chủ yếu áp dụng đối với thu, chi tiền mặt là ngoại tệ hay vàng bạc, đá quý.

+ Cũng cần lưu ý kiểm tra việc tính toán các khoản giảm giá, hoa hồng đại lý,... đã chi trả bằng tiền mặt.

+ Trong những trường hợp xét thấy cần thiết, kiểm toán viên tự tính toán lại số liệu và đối chiếu với số liệu của chính đơn vị được kiểm toán.

- Mục tiêu kiểm toán “*Tính đầy đủ*”: Các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt phát sinh trong kỳ đều được ghi sổ kế toán đầy đủ.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ Kiểm tra số lượng bút toán ghi sổ với số lượng các phiếu thu hay phiếu chi tiền mặt; Đối chiếu chọn mẫu một số chứng từ thu, chi tiền mặt với sổ nhật ký quỹ và sổ kế toán liên quan khác để đánh giá sự đầy đủ trong hạch toán tiền mặt.

+ Kiểm tra số thứ tự của các chứng từ thu, chi tiền mặt ghi trên sổ kế toán cũng như trên sổ quỹ đảm bảo không có sự ghi trùng hay bỏ sót trong hạch toán các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt trong kỳ.

+ Tiến hành khảo sát đồng thời với các với các nghiệp vụ thanh toán trong chu kỳ “mua hàng và trả tiền” và chu kỳ “bán hàng và thu tiền” để phát hiện các trường hợp ghi trùng hay bỏ sót – nếu có.

- Mục tiêu kiểm toán “*Sự phân loại và hạch toán đúng đắn*”: Các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt được phân loại và hạch toán đúng nguyên tắc, phương pháp kế toán và chính xác về số liệu.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ Kiểm tra việc ghi chép trên các chứng từ thu, chi tiền mặt có đảm bảo đầy đủ và rõ ràng về nội dung cũng như sự chính xác về số liệu.

+ Kiểm tra việc phân loại và hạch toán vào các sổ kế toán tương ứng để xác nhận sự hạch toán đúng nguyên tắc, phương pháp kế toán.

+ So sánh đối chiếu giữa chứng từ thu, chi tiền mặt với bút toán ghi sổ tương ứng về số, ngày và số tiền xem có đảm bảo hạch toán chính xác từ chứng từ vào sổ kế toán không.

- Mục tiêu kiểm toán “*Tính đúng kỳ*”: Các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt phát sinh được ghi sổ kế toán kịp thời, đúng kỳ.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ So sánh ngày phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền mặt với ngày cập nhật chứng từ vào sổ kế toán để đánh giá tính hợp lý và kịp thời.

+ Đối chiếu, so sánh ngày ghi sổ của cùng nghiệp vụ thu, chi tiền mặt giữa các sổ có liên quan như: sổ quỹ, sổ kế toán tiền mặt,... để xem xét sự phù hợp, đầy đủ, kịp thời.

Kiểm tra chi tiết về số dư tài khoản tiền mặt

- “*Sự hiện hữu*” của số dư tài khoản tiền mặt: Số dư tài khoản tiền mặt có tồn tại trên thực tế - trong quỹ thực tế có tiền.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ Chứng kiến việc kiểm kê quỹ tiền mặt của đơn vị tại thời điểm khóa sổ để có cơ sở xác nhận sự tồn tại của tiền mặt tại quỹ (bao gồm tiền nội tệ, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý). Trường hợp không thể chứng kiến kiểm kê quỹ, kiểm toán viên cần kiểm tra hồ sơ, tài liệu kiểm kê quỹ tại thời điểm khóa sổ do đơn vị đã thực hiện, xem xét tính hợp lý và hợp thức của thủ tục đã tiến hành cũng như kết quả kiểm kê đã ghi nhận.

+ Kiểm tra, đối chiếu số liệu về tồn quỹ tiền mặt giữa sổ quỹ với sổ kế toán tiền mặt.

- “*Sự tính toán, đánh giá*”: Số dư tài khoản tiền mặt đều được tính toán, đánh giá đúng đắn, chính xác.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ Kiểm tra việc tính toán, đánh giá các khoản tiền mặt tồn quỹ của đơn vị; trong đó chủ yếu là đối với ngoại tệ và vàng bạc, đá quý có đảm bảo tính đúng đắn, chính xác hay không. Nội dung kiểm tra tính toán ngoại tệ bao gồm số lượng từng loại nguyên tệ và tỷ giá ngoại tệ tương ứng tại thời điểm khóa sổ để lập báo cáo tài chính; Nội dung kiểm tra về tính toán đối với vàng bạc, đá quý (nếu có) bao gồm số lượng, quy cách phẩm cấp từng loại vàng bạc, đá quý và phương pháp đánh giá áp dụng.

+ Kiểm tra về tính chính xác của kết quả việc tính toán từng loại tiền mặt tồn quỹ. Trường hợp xét thấy cần thiết, kiểm toán viên tính toán lại trên cơ sở tài liệu của đơn vị và sự xét đoán nghề nghiệp của bản thân sau đó đối chiếu với số liệu của đơn vị.

- “*Sự cộng dồn và trình bày*”: Số dư tài khoản tiền mặt hay các khoản tiền mặt tồn quỹ đã được tổng hợp (cộng dồn) đầy đủ, chính xác và được trình bày phù hợp vào báo cáo tài chính.

Các thủ tục kiểm toán chủ yếu và phổ biến gồm:

+ Kiểm tra việc tính toán số dư từng loại tiền mặt và tổng hợp tất cả các loại tiền mặt tồn quỹ đều được tổng hợp hoặc phát hiện sự cộng dồn còn thiếu sót hay trùng lặp; Trường hợp xét thấy cần thiết, kiểm toán viên có thể tự tính toán, tổng hợp và đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán của đơn vị.

+ Kiểm tra, xem xét việc trình bày tiền mặt vào báo cáo tài chính có phù hợp và đúng quy định của chế độ kế toán hay không; So sánh số liệu tiền mặt trên báo cáo tài chính với số dư tài khoản tiền mặt trên sổ kế toán của đơn vị để đánh giá sự chính xác, nhất quán.

✓ **Kiểm tra chi tiết tiền gửi ngân hàng**

Các thủ tục khảo sát chi tiết thông thường phổ biến đối với số dư tiền gửi ngân hàng về cơ bản cũng tương tự như đối với kiểm toán tiền mặt đã trình bày ở trên. Tuy nhiên có một số điểm riêng biệt mang tính đặc thù đối với tiền gửi ngân hàng :

- Lập bảng kê chi tiết về tiền gửi ngân hàng và đối chiếu với số dư trong sổ cái, đối chiếu với số liệu của ngân hàng xác nhận.

- Kiểm tra việc qui đổi ngoại tệ và việc tính giá đối với vàng, bạc, đá quý, kim loại quý gửi tại ngân hàng.

- Kiểm tra việc tính toán và khóa sổ kế toán tài khoản tiền gửi ngân hàng thông qua việc yêu cầu đơn vị cung cấp sổ phụ của ngân hàng gửi cho đơn vị ở khoảng trước và sau ngày khóa sổ để đối chiếu với số liệu trên sổ của đơn vị nhằm phát hiện chênh lệch và tìm hiểu nguyên nhân.

- Gửi thư xác nhận số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng vào thời điểm khóa sổ kế toán.

- Khảo sát nghiệp vụ chuyển khoản bằng cách lập bảng liệt kê tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng trong các nghiệp vụ chuyển khoản được thực hiện những ngày trước và sau ngày lập các báo cáo tài chính. Sau đó đối chiếu với việc ghi sổ kế toán của từng nghiệp vụ đó có được ghi sổ kịp thời và đúng đắn không.

✓ **Khảo sát chi tiết về tiền đang chuyển**

Khảo sát chi tiết về tiền đang chuyển và số dư tiền đang chuyển có thể được vận dụng tương tự như đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Công việc khảo sát chủ yếu và đặc thù thường được tiến hành gồm:

- Lập bảng kê danh sách các khoản chuyển tiền liên ngân hàng cho tất cả các tài khoản liên quan để kiểm tra séc, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi; đặc biệt các nghiệp vụ phát sinh và được hạch toán trong những ngày trước và sau ngày khóa sổ để lập báo cáo tài chính, nhằm xem xét các khoản tiền đó có được phản ánh chính xác hay không, có đúng quy định của chế độ tài chính hay không.

- Kiểm tra việc tính toán, đánh giá đối với các khoản tiền đang chuyển là ngoại tệ (số lượng nguyên tệ, tỷ giá hối đoái và kết quả tính toán) của các nghiệp vụ trong kỳ và số dư cuối kỳ; Trường hợp xét thấy cần thiết, kiểm toán

viên có thể tính toán lại và đối chiếu với số liệu của đơn vị để đánh giá tính hợp lý, chính xác.

- Kết hợp (tham chiếu) với việc khảo sát chi tiết đối với tiền mặt và tiền gửi ngân hàng để xem xét tính hợp lý, trung thực của các nghiệp vụ và số dư có liên quan đến tiền đang chuyển.

- Kiểm tra việc tính toán, tổng hợp số dư tài khoản tiền đang chuyển tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính (đặc biệt lưu ý với ngoại tệ) và so sánh với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính nhằm xem xét, đánh giá về tính đầy đủ, chính xác trong cộng dồn và tính nhất quán, phù hợp trong trình bày thông tin và công bố thông tin tài chính.

1.5.2.3. Kết thúc kiểm toán

❖ Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày lập BCTC

KTV phải xem xét những sự kiện có thể dẫn đến việc yêu cầu khách hàng phải điều chỉnh hoặc phải thuyết minh trong BCTC vào thời điểm gần ngày ký BCKT và thiết kế những thủ tục kiểm toán bổ sung nhằm hạn chế tối đa rủi ro kiểm toán.

Thủ tục nhằm xác nhận sự kiện này đối với khoản mục vốn bằng tiền thường gồm những bước sau:

- Xem xét lại các thủ tục do khách hàng áp dụng đối với tiền nhằm bảo đảm mọi sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán đều được xác định.

- Xem xét các biên bản họp Đại hội cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban Giám đốc, biên bản kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng sau ngày khóa sổ kế toán để tìm kiếm những sự kiện có thể ảnh hưởng đến tiền.

- Trao đổi với Ban Giám đốc khách hàng để xác định những sự kiện liên quan đến tiền xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC.

❖ *Đánh giá bằng chứng và tổng hợp kết quả kiểm toán*

Việc đánh giá của KTV về sự đầy đủ và tính thích hợp của bằng chứng kiểm toán chủ yếu phụ thuộc vào:

- Tính chất, nội dung và mức độ rủi ro tiềm tàng của khoản mục tiền và các nghiệp vụ liên quan.
- Hệ thống kế toán, hệ thống KSNB và sự đánh giá về rủi ro kiểm soát đối với khoản mục tiền.
- Kinh nghiệm của KTV về kiểm toán khoản mục tiền trong những lần kiểm toán trước.
- Kết quả của các thủ tục kiểm toán, kể cả các sai sót và gian lận đã được phát hiện.
- Nguồn gốc và độ tin cậy của tài liệu, thông tin.

Sau khi đánh giá các bằng chứng đã thu thập được, KTV phải đưa ra ý kiến rằng vốn bằng tiền trên BCTC có đảm bảo tính trung thực hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu không, các mục tiêu của kiểm toán có thoả mãn không.

❖ *Phát hành BCKT và Thư quản lý*

Sau khi tổng hợp kết quả kiểm toán của các phần hành, KTV đưa ra ý kiến xác nhận về tính trung thực hợp lý của BCTC cũng như việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành trên BCKT. Ý kiến của KTV và công ty kiểm toán đối với BCTC đã được kiểm toán có thể là một trong bốn loại ý kiến sau: ý kiến chấp nhận toàn phần, ý kiến chấp nhận từng phần, ý kiến trái ngược và từ chối đưa ra ý kiến.

Cùng với việc phát hành BCKT, KTV có thể phát hành Thư quản lý để đưa ra những kiến nghị nhằm giúp khách hàng chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán, xây dựng và hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống KSNB. Thư quản lý mô tả về từng sự kiện cụ thể, gồm: hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro, kiến nghị của KTV và ý kiến của người quản lý liên quan đến sự kiện đó.

Sau khi cuộc kiểm toán kết thúc, KTV vẫn phải có trách nhiệm xem xét các sự kiện có thể xảy ra sau khi phát hành BCKT đối với BCTC nói chung và khoản mục vốn bằng tiền nói riêng. Theo VSA số 560 – “*Các sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ kế toán, lập BCTC*” thì KTV không bắt buộc phải áp dụng các thủ tục hoặc phải xem xét những vấn đề có liên quan đến BCTC sau ngày ký BCKT. Tuy nhiên, khi KTV nhận thấy hoặc được doanh nghiệp thông báo rằng có sự kiện xảy ra sau ngày ký BCKT có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC, thì KTV phải cân nhắc có nên sửa lại BCKT hay không. Trong trường hợp này KTV phải trao đổi với Ban Giám đốc khách hàng và có biện pháp thích hợp tùy theo từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT THỰC HIỆN

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát (APS) – Một trong những doanh nghiệp Kiểm toán đầu tiên được thành lập theo Nghị định số 105 /NĐ- CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ ban hành qui chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

Trụ sở chính : 245 Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại : 031 3539666/ 555/ 969/ 835

Fax : 031 3539789

Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Ngõ 10 Thái Thịnh 2, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 090 3459259

Văn phòng đại diện tại Thái Bình : Số 456 Lý Bôn, Khách sạn Việt Đức

Điện thoại: 036 3644744

Mục tiêu hoạt động của công ty là nhằm cung cấp các dịch vụ tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính với uy tín và chất lượng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng, cung cấp những thông tin với độ tin cậy cao cho công tác quản lý tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh , mang lại hiệu quả cao nhất. Hơn thế nữa, với kinh nghiệm thực tiễn về tư vấn tài chính kế toán, gần gũi với khách hàng, tận tình, thông thạo nghiệp vụ và hiểu biết kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam, Công ty hiểu rõ các yêu cầu trong quản lý, các khó khăn có thể gặp phải trong hoạt

động và sẽ hỗ trợ khách hàng giải quyết tốt các vấn đề mà ít có một tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính kế toán nào có thể thực hiện được.

Công ty sẵn sàng, thường xuyên cử các cán bộ và nhân viên tham gia, nghiên cứu môi trường kinh doanh chung, các thay đổi về pháp lý cụ thể đối với ngành nghề mà Doanh nghiệp đang hoạt động chuyên sâu, đặc thù của Doanh nghiệp để hiểu biết hơn nữa về lĩnh vực kinh doanh của Doanh nghiệp.

Công ty mong muốn mang tất cả những hiểu biết và kinh nghiệm của mình trong lĩnh vực Kiểm toán – tư vấn kế toán, tài chính – Thuế, môi trường kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh tại Việt Nam để đưa ra giải pháp hiệu quả nhất giải quyết các bức xúc trong kinh doanh một cách hiệu quả nhất.

Với tâm huyết được mang những kiến thức và kinh nghiệm của mình để chia sẻ với các khách hàng, trợ giúp khách hàng thành công trong kinh doanh tại Việt Nam và trên toàn thế giới, công ty cam kết với đội ngũ lãnh đạo, nhân viên dày dặn kinh nghiệm, kiến thức không ngừng nâng cao, công ty APS sẽ đóng góp một phần không thể thiếu trong sự phát triển của nghề Kiểm toán – Tư vấn kế toán, tài chính – Thuế và luôn sẵn sàng cung cấp các dịch vụ Kiểm toán – Tư vấn kế toán, tài chính – Thuế cho khách hàng một cách chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả nhất.

Các thành viên chủ chốt của công ty đã và đang là các nhân lực chính chỉ đạo thực hiện công việc kiểm toán cho các khách hàng thuộc các lĩnh vực hoạt động khác nhau, mô hình khác nhau từ doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vốn Nhà nước, doanh nghiệp do các cá nhân đóng góp, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất,..

Công ty luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất trong mọi lĩnh vực. Các chuyên gia của APS luôn tuân thủ phương châm hoạt động của mình, đó là: độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật, tuân thủ các qui định của Nhà nước Việt Nam. Công ty cũng luôn nhận thức được lợi ích hợp pháp của

khách hàng và cố gắng giúp khách hàng thực hiện và bảo vệ lợi ích chính đáng của mình.

2.1.2. Các loại hình dịch vụ Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát cung cấp cho khách hàng:

- **Dịch vụ kiểm toán**

- Kiểm toán báo cáo tài chính
- Kiểm toán hoạt động các dự án
- Kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành
- Kiểm toán xác định vốn góp liên doanh
- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ
- Kiểm tra báo cáo quý, báo cáo giữa kỳ
- Chuẩn bị và tổng hợp báo cáo tài chính

- **Dịch vụ kế toán**

- Hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán tài chính
- Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy – tổ chức công tác kế toán, mở - ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính
- Lập hồ sơ đăng ký chế độ kế toán

- **Tư vấn tài chính**

- Tư vấn giá trị tài sản, quyết toán tài chính và quyết toán vốn đầu tư công trình
- Tư vấn cổ phần hóa, sát nhập và giải thể doanh nghiệp
- Xác định cơ cấu và chiến lược kinh doanh
- Tư vấn quản lý tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp
- Tư vấn quản lý tiền lương và nhân sự

- **Dịch vụ thuế**

- Khai thuế GTGT, Lập Báo cáo thuế
- Liên lạc thường xuyên trực tiếp với cơ quan thuế các cấp và các ban ngành hữu quan khác
- Những kiến thức quý giá về việc áp dụng thuế và các quy định pháp lý khác

- Đánh giá phân tích thuế
- Giúp đỡ trong công việc kiểm toán thuế

- **Dịch vụ đào tạo**

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán nội bộ, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán

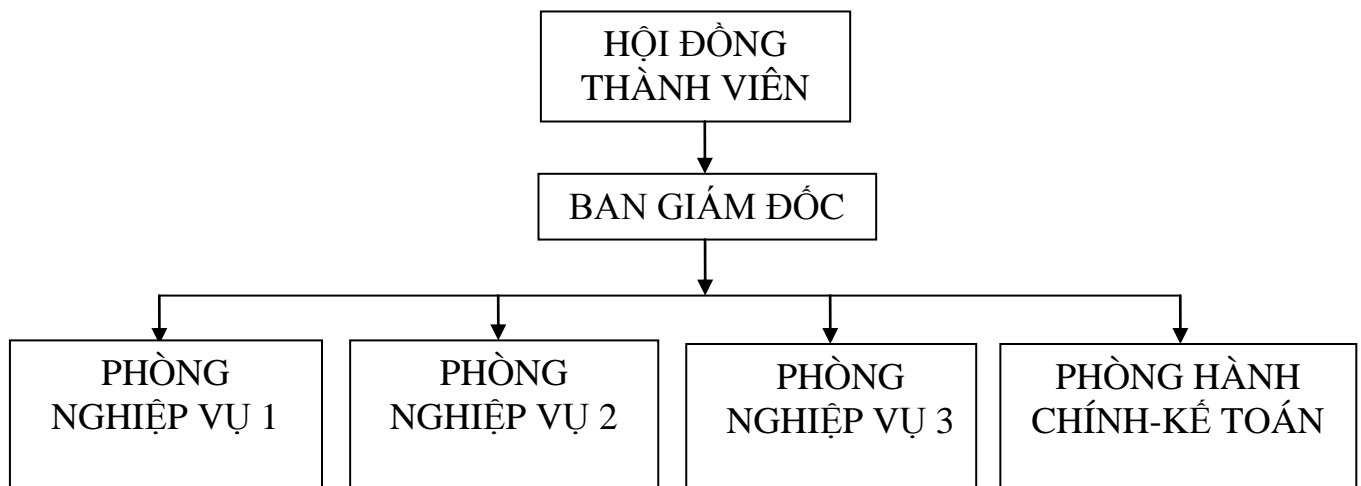
- **Dịch vụ khác**

- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán
- Cung cấp văn bản pháp quy, thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng kế toán trưởng, nhân viên kế toán

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng, công ty đã tuyển chọn và đào tạo được đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm trong công tác tư vấn kế toán, tư vấn lập Báo cáo thuế và Kiểm toán Báo cáo tài chính. Hiện nay APS có một đội ngũ nhân viên với gần 40 người làm việc tại trụ sở chính. Đội ngũ nhân viên của APS được đào tạo có hệ thống ở trong nước và nước ngoài với chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thường xuyên được trang bị và tiếp cận với những kỹ năng và kiến thức chuyên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu, chất lượng cao nhất của khách hàng.

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát



- Hội Đồng Thành Viên là những người góp vốn thành lập công ty. Hội Đồng Thành Viên gồm 5 người trong đó bà Trần Thị Minh Tần là Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên. Hội Đồng Thành Viên bầu ra Giám Đốc và các phó Giám Đốc để điều hành công ty hàng ngày.

- Ban Giám Đốc gồm 5 thành viên, họp mỗi tháng một lần để nắm bắt tình hình hoạt động của công ty. Ban Giám Đốc điều hành công việc hàng ngày tại công ty. Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Công ty, Hội Đồng Thành Viên và pháp luật về hoạt động của Công ty. Trong Ban Giám Đốc thì Giám Đốc chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động chung của Công ty. Giám Đốc Công ty do Hội Đồng Thành Viên bổ nhiệm.

- Các phòng nghiệp vụ do trưởng phòng đứng đầu. Trưởng phòng nghiệp vụ quản lý và chịu trách nhiệm về các hoạt động của phòng nghiệp vụ tương ứng; giám sát, quản lý các nhân viên chuyên nghiệp trong phòng trong công việc, đặc biệt là trong khi làm việc với khách hàng. Trưởng phòng nghiệp vụ cũng là người soát xét các công việc do các nhân viên của mình thực hiện, kiểm soát chất lượng công việc.

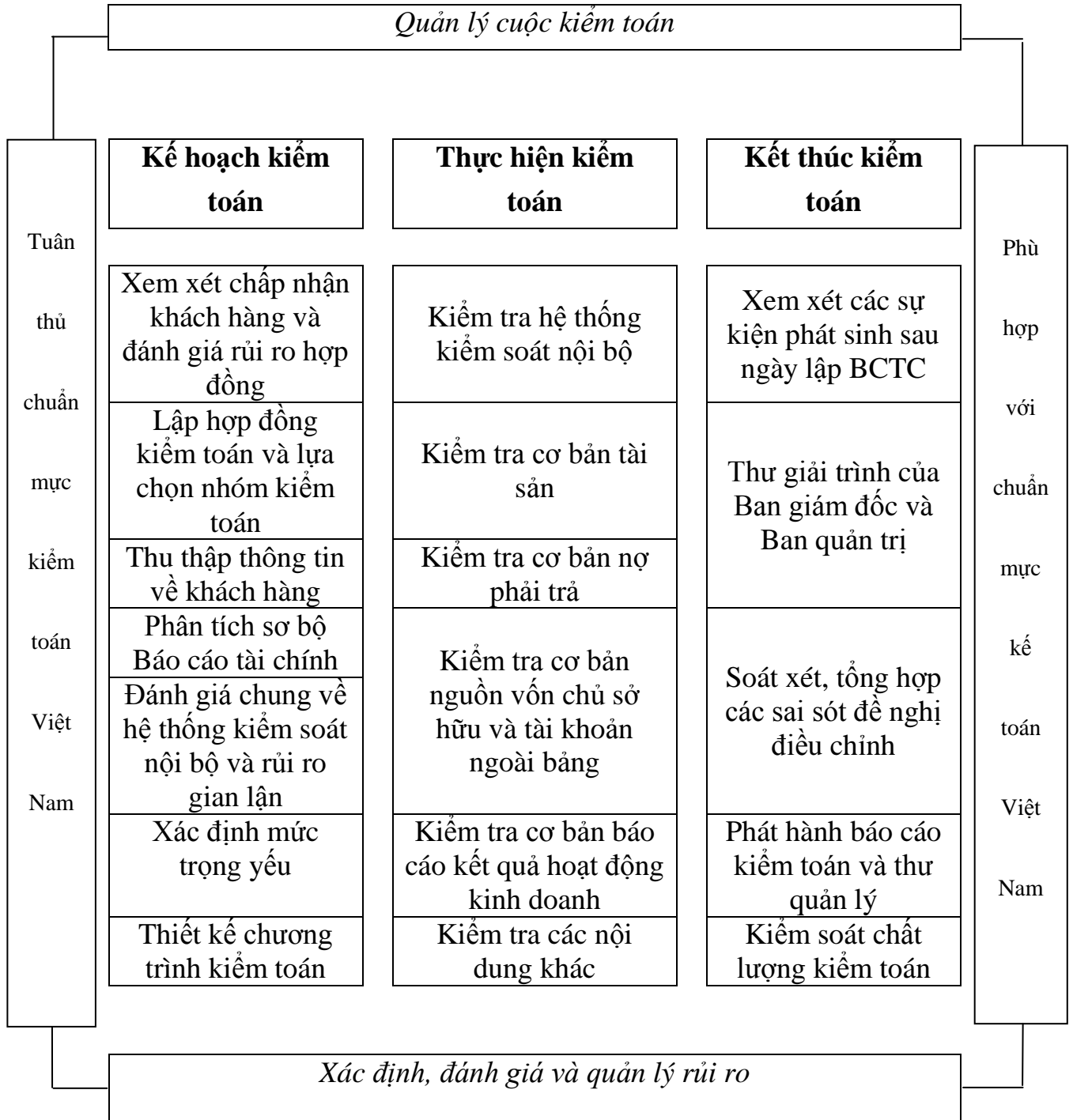
- Phòng Hành chính - Kế Toán: với chức năng kế toán, giúp việc cho giám đốc tổ chức và thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán, thông tin kế toán, tổ chức hạch toán kinh tế trong nội bộ công ty theo đúng chế độ, chính sách và pháp luật Nhà nước về kinh tế tài chính, tín dụng và theo điều lệ tổ chức kế toán, pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước về công tác quản lý tài chính. Với chức năng hành chính, là phòng chức năng giúp Giám Đốc trong công việc thực hiện các phương án sắp xếp và tổ chức quản lý tuyển dụng và phân phối nhân lực, đáp ứng nhu hoạt động theo từng thời kỳ. Đồng thời tổ chức thực hiện đúng đắn các chính sách chế độ đối với người lao động.

2.1.4. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

Tại công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát, việc kiểm toán của khách hàng cụ thể với những đặc thù về loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động...có những nét khác nhau. Song, mọi cuộc kiểm toán đều tuân theo quy trình chung gồm các giai đoạn: lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

Dưới đây là mô tả quy trình chung kiểm toán BCTC tại công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát:

Bảng 2.1: Quy trình chung kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát



2.2. Thực trạng công tác kiểm toán vốn bằng tiền do công ty TNHH

Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

2.2.1. Giới thiệu về khách hàng

❖ Đặc điểm hoạt động

Công ty TNHH Vân Long (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202000184 ngày 15/01/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/12/2012 với mã số doanh nghiệp 0200367100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở đăng ký: Số 15A An Trì, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH hai thành viên trở lên

Vốn điều lệ: 25.000.000.000

❖ Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp và xu hướng của ngành nghề

- Ngành nghề:

+ Sản xuất các loại sản phẩm plastic

+ Bán buôn các loại máy móc, linh kiện máy móc, phụ tùng thiết bị, các loại hoá chất, giường tủ...

+ Bán lẻ các loại ô tô con

+ Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương

- Thị trường: Sản xuất và thương mại theo đơn đặt hàng của các công ty trong và ngoài nước.

- Mức độ cạnh tranh: chịu sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước

- Đặc điểm kinh doanh ngành: kinh doanh liên tục

2.2.2. Quy trình kiểm toán vốn bằng tiền

2.2.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán

Kế hoạch kiểm toán là yếu tố có ý nghĩa quyết định chất lượng kiểm toán. Việc xây dựng đầy đủ, sát thực nội dung, mục tiêu kiểm toán cũng như


cách thức thực hiện cuộc kiểm toán sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đạt được mục tiêu kiểm toán. Các công việc cơ bản cần thực hiện trong giai đoạn này như sau:

❖ **Xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng**

Đây là công việc tiền kiểm toán được APS thực hiện nhằm xác định có thể tiếp tục kiểm toán cho một khách hàng cũ hay thực hiện một hợp đồng kiểm toán với khách hàng mới. Trên cơ sở đó KTV sẽ xây dựng kế hoạch kiểm toán phù hợp. Hàng năm, APS đều tiến hành gửi thư chào đến tất cả khách hàng để giới thiệu về những dịch vụ mà công ty cung cấp, đồng thời dựa vào đó để thiết lập các điều khoản trong hợp đồng kiểm toán. Trước khi ký kết hợp đồng, KTV phải thu thập những thông tin chung nhất về khách hàng như đặc điểm ngành nghề kinh doanh, đối thủ cạnh tranh, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý...

Công ty TNHH Vân Long là khách hàng lâu năm của APS nên căn cứ vào hồ sơ kiểm toán năm trước cũng như tình hình kinh doanh trong năm 2012, Công ty đánh giá rủi ro chấp nhận hợp đồng kiểm toán với khách hàng này ở mức thấp và quyết định ký kết hợp đồng thực hiện kiểm toán BCTC cho năm 2012, thể hiện trong hồ sơ kiểm toán như sau:

Bảng 2.2. Bảng xem xét chấp nhận khách hàng và đánh giá rủi ro hợp đồng

 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT A120	Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long	
	Ngày khóa sổ: 31/12/2012	
	Nội dung: Chấp nhận, duy trì khách hàng cũ và đánh giá rủi ro hợp đồng	
	Tên	Ngày
Người thực hiện	HPS	30/01/2013
Người soát xét 1	TTH	30/01/2013
Người soát xét 2	PHT	30/01/2013

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long
2. Tên và chức danh của người liên lạc chính: Ông Nguyễn Trọng Tuấn – giám đốc
3. Địa chỉ: An Trì – Hùng Vương – Hải Phòng
Điện thoại: 0313 798 886 Fax: 031 37988884
Email: vanlong@vanlongplastic.com.vn Website: www.vanlong.plastic.com.vn
4. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH
5. Năm tài chính: Năm 2012 từ ngày 1/1/2012 đến ngày 31/12/2012
6. Các cổ đông chính, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ghi chú</i>
Trần Tuấn Khanh	Chủ tịch hội đồng thành viên	
Trần Thị Lưu Ly	Thành viên	
Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên kiêm Giám đốc	
Nguyễn Duy Hiền	Phó Giám đốc	

7. Mô tả quan hệ kinh doanh ban đầu được thiết lập như thế nào: Thông qua thư chào kiểm toán
8. Họ và tên người đại diện cho doanh nghiệp: Ông Nguyễn Trọng Tuấn – Giám đốc
Địa chỉ: An Trì – Hùng Vương – Hải Phòng
9. Tên ngân hàng DN có quan hệ: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Hải Phòng
Địa chỉ: Số 11 Hoàng Diệu – Hồng Bàng – Hải Phòng
10. Mô tả ngành nghề kinh doanh của DN và hàng hoá, dịch vụ cung cấp, bao gồm cả các hoạt động độc lập hoặc liên kết: Sản xuất, thương mại, dịch vụ
11. Kiểm tra các thông tin liên quan đến doanh nghiệp và những người lãnh đạo thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, tạp chí, internet,...)
12. Giá trị vốn hoá thị trường của doanh nghiệp (đối với công ty niêm yết)
13. Chuẩn mực và chế độ kế toán mà doanh nghiệp áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC
Chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT – BTC Chuẩn mực kế toán Việt Nam
14. Chuẩn mực kiểm toán mà KTV và công ty kiểm toán áp dụng làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán: Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam

15. Các dịch vụ và báo cáo được yêu cầu là gì và ngày hoàn thành

Dịch vụ báo cáo tài chính năm 2012

Báo cáo yêu cầu: BCTC đã được kiểm toán từ 1/1/2012 đến 31/12/2012

16. Mô tả tại sao doanh nghiệp muốn có BCTC được kiểm toán và các bên liên quan cần sử dụng BCTC đó

Làm minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp

Các bên liên quan cần sử dụng: Ngân hàng, Thuế

II. THỦ TỤC KIỂM TOÁN

	Có	Không
Các sự kiện của năm hiện tại		
Công ty có đầy đủ nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và các nguồn lực cần thiết để tiếp tục phục vụ khách hàng.	V	
Có bất cứ nghi ngờ nào phát sinh trong quá trình làm việc liên quan đến tính chính trực của ban giám đốc.		V
Có các giới hạn về phạm vi kiểm toán dẫn đến việc ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán năm nay		V
Liệu có dấu hiệu nào về sự lặp lại về những giới hạn tương tự như vậy trong tương lai không.		V
Báo cáo kiểm toán năm trước có bị ngoại trừ		V
Có nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của khách hàng		V
Mức phí		
Tổng phí từ khách hàng có chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu của Công ty		V
Phí của khách hàng có chiếm phần lớn trong thu nhập của thành viên Ban Giám đốc phụ trách hợp đồng kiểm toán.		V
Có khoản phí nào quá hạn phải thu trong thời gian quá dài		V
Quan hệ với khách hàng		
Công ty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán, trong phạm vi chuyên môn có tham gia vào bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến khách hàng		V
Thành viên Ban Giám đốc phụ trách hợp đồng kiểm toán và trưởng nhóm kiểm toán có tham gia nhóm kiểm toán quá 3 năm liên tiếp		V
Thành viên BGD của Công ty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán có quan hệ gia đình hoặc quan hệ cá nhân, quan hệ kinh tế gần gũi với		V

khách hàng, nhân viên hoặc BGD của khách hàng		
Công ty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán là thành viên của quỹ nắm giữ cổ phiếu của khách hàng		V
Có ai trong số những người dưới đây hiện là nhân viên hoặc Giám đốc của khách hàng: - thành viên của nhóm kiểm toán (kể cả thành viên BGD) - thành viên BGD của công ty - cựu thành viên BGD của công ty - các cá nhân có quan hệ thân thiết hoặc quan hệ gia đình với những người nêu trên		V
Có thành viên BGD hoặc thành viên nào của nhóm kiểm toán sắp trở thành nhân viên khách hàng.		V
Liệu có khoản vay hoặc bảo lãnh, không giống với hoạt động kinh doanh thông thường, giữa khách hàng và Công ty hoặc thành viên của nhóm kiểm toán.		V
Mâu thuẫn lợi ích		
Có bất cứ mâu thuẫn về lợi ích giữa khách hàng này với các khách hàng hiện tại khác		V
Cung cấp dịch vụ ngoài kiểm toán		
Công ty có cung cấp dịch vụ nào khác cho khách hàng có thể ảnh hưởng đến tính độc lập		V
Khác		
Có các yếu tố khác khiến chúng ta phải cân nhắc việc từ chối bổ nhiệm làm kiểm toán		V

III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO HỢP ĐỒNG

Thấp

V. KẾT LUẬN

Chấp nhận duy trì khách hàng: Có

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ *Lập hợp đồng kiểm toán và lựa chọn nhóm kiểm toán*

Đối với mỗi giai đoạn được kiểm toán, KTV cần đồng ý với khách hàng về những điều khoản trong hợp đồng trước khi tiến hành kiểm toán. Các điều khoản này phải được trình bày bằng văn bản và được trao đổi với khách hàng. Hợp đồng kiểm toán được ký kết là điểm khởi đầu của cuộc kiểm toán. Căn cứ vào những điều đã thương lượng tại hợp đồng kiểm toán, Công ty An Phát xem xét những yêu cầu kiểm toán của khách hàng để lập kế hoạch kiểm toán và phân công nhân sự phù hợp cho cuộc kiểm toán. Số lượng, chất lượng KTV phụ thuộc mức độ phức tạp của công việc, quy mô của đơn vị khách hàng và yêu cầu cụ thể của từng khách hàng.

Bảng 2.3. Hợp đồng kiểm toán

<p>CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</i></p>
<p>Số: 23 HĐKT – BTC</p>	<p>Hải Phòng, ngày 01 tháng 08 năm 2012</p>
<p>HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN</p> <p><i>V/v: Kiểm toán Báo cáo tài chính năm từ 01/1/2012 đến 31/12/2012 của Công ty TNHH Vân Long</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> • Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. • Căn cứ Nghị định số 105/NĐ – CP ngày 30 tháng 3 năm 2004 của Chính phủ ban hành qui chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân. • Thực hiện Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán. 	
<p>Thành phần tham gia kí kết hợp đồng:</p> <p>BÊN A: CÔNG TY TNHH VÂN LONG</p> <p>Đại diện là : Ông Trần Tuấn Khanh</p> <p>Chức vụ : Giám đốc</p> <p>Địa chỉ : An Trì – Hùng Vương – Hải Phòng</p> <p>Điện thoại : 031 3798886 Fax: 031 3798884</p>	

Tài khoản : 0031000030687 tại Ngân hàng Ngoại Thương – CN Hải Phòng
Mã số thuế : 0200367100

**BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN
AN PHÁT**

Đại diện là : **Bà Trần Thị Minh Tàn**

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 161, Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Điện thoại : 031. 3539555 Fax: 031. 3539789

Tài khoản : 3315702 – 001 tại Ngân hàng Indovina – CN Hải Phòng

Mã số thuế : 0200689059

Sau khi thoả thuận, hai bên nhất trí ký Hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung dịch vụ:

Bên B cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm từ 01/1/2012 đến 31/12/ 2012 của **Công ty TNHH Vân Long**.

Điều 2: Luật định và chuẩn mực:

Dịch vụ kiểm toán được tiến hành theo Nghị định số 105/CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 của Chính phủ ban hành quy chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân, theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (hoặc chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Việt Nam chấp nhận). Các chuẩn mực này đòi hỏi Bên B phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm công việc kiểm tra và thực hiện các thử nghiệm cơ bản các bằng chứng cho những khoản mục và các thông tin trong Báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm công việc đánh giá các chính sách kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Điều 3: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên:

3.1/ Trách nhiệm của Bên A:

- Lưu giữ quản lý chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan đến Bên A một cách an toàn, bí mật theo qui định Nhà nước.

- Bảo đảm cũng cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Bên B các thông tin cần thiết có liên quan đến cuộc kiểm toán và soát xét bao gồm chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các số liệu liên quan khác.
- Báo cáo tài chính dùng để kiểm toán phải được Bên A ký và đóng dấu chính thức trước khi cung cấp cho Bên B. Việc lập Báo cáo tài chính và công bố các thông tin khác là trách nhiệm của đơn vị được kiểm toán. Trách nhiệm này đòi hỏi hệ thống kế toán là hệ thống kiểm soát nội bộ phải thích đáng, sự lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán và việc bảo đảm an toàn cho các tài sản của đơn vị.
- Bên B có thể yêu cầu Bên A xác nhận bằng văn bản sự đảm bảo về các thông tin và tài liệu liên quan đến cuộc kiểm toán đã cung cấp cho bên B.
- Cử nhân viên của Bên A tham gia, phối hợp với Bên B và tạo điều kiện thuận lợi để Bên B có thể xem xét tất cả chứng từ, sổ kế toán và các thông tin khác cần thiết cho cuộc kiểm toán.

3.2/ Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán và kế toán hiện hành (như Điều 2)
- Xây dựng và thông báo cho Bên A nội dung, kế hoạch kiểm toán. Thực hiện kế hoạch kiểm toán theo đúng nguyên tắc độc lập, khách quan và bí mật.
- Cử kiểm toán viên và chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính.

Điều 4: Kết quả công việc:

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán từ 01/1/2012 đến 31/12/2012.
- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Báo cáo kiểm toán được lập thành 10 bộ. Bên A giữ 08 bản, bên B giữ 02 bản.

Điều 5: Phí dịch vụ kiểm toán và phương thức thanh toán:

- Phí kiểm toán Báo cáo tài chính là: 26.000.000 đ
- Thuế VAT 10% : 2.600.000 đ
- Tổng cộng : 28.600.000 đ

(Bằng chữ: Hai mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn)

- Phương thức thanh toán: 50% ngay sau khi Bên B triển khai công việc. Số còn lại Bên A sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản.

Điều 6: Cam kết thực hiện và thời gian hoàn thành:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng, Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.
- Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính là 20 ngày kể từ ngày hai bên ấn định cuộc kiểm toán.

Điều 7: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn Hợp đồng:

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản và có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và đóng dấu. Mỗi bên giữ 02 bản.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi bên B cung cấp cho Bên A Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 đồng thời bên A chuyển trả đủ tiền theo hợp đồng cho bên B hoặc hai bên cùng nhất trí huỷ bỏ Hợp đồng

**CÔNG TY TNHH
VÂN LONG**

Giám đốc
Trần Tuấn Khanh


**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT (APS)**

Giám đốc
Trần Thị Minh Tần

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Nhóm kiểm toán, bao gồm KTV và 3 trợ lý kiểm toán được phân công thực hiện hợp đồng kiểm toán cùng với bộ phận soát xét là các trưởng phó phòng, phó Giám đốc phụ trách sẽ được tiến hành kiểm tra tính độc lập khách quan trước khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng.


Bảng 2.4: Biện pháp đảm bảo tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán

 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT A280				
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long Ngày khóa số: 31/12/2012 Nội dung: Biện pháp đảm bảo tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán	Tên	Ngày		
	Người thực hiện	BAD	30/01/2013	
	Người soát xét 1	TTH	30/01/2013	
	Người soát xét 2	PHT	30/01/2013	
A. MỤC TIÊU				
Ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ để đảm bảo tính độc lập của Công ty kiểm toán/ thành viên nhóm kiểm toán.				
B. NỘI DUNG KIỂM TRA				
Thủ tục	Có	Không	Không áp dụng	
1/ Xác định yếu tố có ảnh hưởng đến tính độc lập của Công ty kiểm toán, nhóm kiểm toán:				
a. Thành viên nhóm kiểm toán có cổ phần, cổ phiếu của KH		V		
b. Thành viên nhóm kiểm toán là người cung cấp dịch vụ đảm bảo khác cho KH		V		
c. Thành viên nhóm kiểm toán làm việc nhiều năm/hoặc có quan hệ ruột thịt với KH		V		
d. Công ty kiểm toán có cung cấp các dịch vụ khác cho KH		V		
2/ Các biện pháp đảm bảo tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán				
a. Có sử dụng thành viên BGD/thành viên riêng biệt với nhóm kiểm toán	V			
b. Sử dụng thành viên BGD và các thành viên riêng biệt với bộ phận cung cấp các dịch vụ cho KH có sự mâu thuẫn			V	

về lợi ích			
c. Trao đổi với KH về sự mâu thuẫn về lợi ích và thu thập sự cho phép tiếp tục thực hiện công việc.			V
d. Có thực hiện thay đổi thành viên BGD và trưởng nhóm kiểm toán.			V
e. Thông báo và thảo luận các vấn đề về tính độc lập và mức độ của các công việc ngoài kiểm toán với cấp quản lý có liên quan.	V		
f. Sử dụng cá nhân độc lập, như thành viên BGD thứ hai hoặc Công ty kiểm toán khác trong việc soát xét tư vấn các vấn đề cụ thể,			V
g. Loại các cá nhân ra khỏi nhóm kiểm toán khi nhận thấy nguy cơ ảnh hưởng tính độc lập.			V
Biện pháp khác			
C. KẾT LUẬN			
.....			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.5: Cam kết về tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán


 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT A260			
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long	Tên	Ngày	
Ngày khóa số: 31/12/2012	Người thực hiện	BAD	30/01/2013
Nội dung: Cam kết về tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán	Người soát xét 1	TTH	30/01/2013
	Người soát xét 2	PHT	30/01/2013
<p>Liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty TNHH Vân Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, chúng tôi cam kết rằng:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chúng tôi tuân thủ các quy định về tính độc lập theo Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; Chúng tôi cam kết rằng chúng tôi không có bất kỳ lợi ích tài chính trọng yếu trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc nghĩa vụ nợ, quan hệ mật thiết nào gắn với đơn vị hoặc Ban lãnh đạo đơn vị được kiểm toán; Theo hiểu biết của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy bất cứ sự thoả thuận kinh tế, dịch vụ chuyên môn cũng như sự liên kết nào trong quá khứ và hiện tại giữa chúng tôi và đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập của chúng tôi. 			
Chức danh	Họ tên	Chữ ký	Ngày/tháng
Thành viên BGD phụ trách cuộc KT:	Trần Thị Minh Tần		
Người soát xét công việc KSCL:	Trần Thị Hường		
Chủ nhiệm kiểm toán:	Trần Thị Hường		
KTV chính/Trưởng nhóm:	Phạm Huyền Trang		
Kiểm toán viên:	Phạm Huyền Trang		
Trợ lý 1:	Bùi Anh Dũng		
Trợ lý 2:	Hoàng Phú Sơn		
Trợ lý 3:	Nguyễn Thị Thu Hằng		

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ **Thu thập thông tin khách hàng**

Sau khi đánh giá rủi ro chấp nhận hợp đồng kiểm toán, thiết lập và ký kết hợp đồng kiểm toán cũng như thành lập đoàn kiểm toán, KTV tiến hành thu thập thông tin khách hàng. Để thu thập thông tin về tình hình kinh doanh của khách hàng, KTV phải kết hợp quan sát hoạt động kinh doanh, phỏng vấn ban quản lý và thu thập các văn bản pháp lý như giấy phép thành lập, giấy phép đầu tư, điều lệ công ty, các BCTC, BCKT, các hợp đồng, cam kết quan trọng...

Bảng 2.6: Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động

 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT A310			
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long		Tên	Ngày
Ngày khóa sổ: 31/12/2012	Người thực hiện	HPS	30/01/2013
Nội dung: Tìm hiểu khách hàng và môi trường hoạt động	Người soát xét 1	TTH	30/01/2013
	Người soát xét 2	PHT	30/01/2013

A. MỤC TIÊU

Thu thập hiểu biết về KH và môi trường hoạt động để xác định và hiểu các sự kiện, giao dịch và thông lệ kinh doanh của KH có ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC, qua đó giúp xác định rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

B. NỘI DUNG CHÍNH:

1. Hiểu biết môi trường hoạt động và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến DN:

1.1. Môi trường kinh doanh chung

Các thông tin về môi trường kinh doanh chung của DN trong năm hiện hành bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau: *Thực trạng chung của nền kinh tế (suy thoái, tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát...); Biến động về lãi suất cơ bản, tỷ giá ngoại tệ, và lạm phát; Biến động thị trường mà DN đang kinh doanh; Các nội dung khác...*

Thực trạng chung của nền kinh tế:

Năm 2012, tăng trưởng GDP đạt 5,89%, lạm phát 18,13%

Biến động về lãi suất cơ bản, tỷ giá ngoại tệ, và lạm phát:

Lãi suất cơ bản tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm từ 16% lên 18,73% vào tháng 8/2012 và hạ xuống 17,5 – 18% trong 2 tháng 11 và 12 năm 2012

Tỷ giá VND/USD tăng 2,24%, giá vàng tăng 24,09%, biến động tương đối lớn.

Biến động thị trường mà DN đang kinh doanh

Thị trường mà DN kinh doanh không biến động nhiều. Không cam chịu ảnh hưởng nhiều của tình trạng suy thoái kinh tế chung

1.2. Các vấn đề về ngành nghề mà DN kinh doanh và xu hướng của ngành nghề

Các thông tin chung về ngành nghề mà DN đang kinh doanh và xu hướng của ngành nghề bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau: *Thị trường và cạnh tranh, bao gồm nhu cầu, năng lực cung ứng, cạnh tranh về giá; Đặc điểm kinh doanh ngành (liên tục hay thời vụ); Các thay đổi trong công nghệ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chính; Sự thu hẹp hay mở rộng quy mô kinh doanh của ngành; Nguồn cung cấp đầu vào cho ngành và giá cả (nguyên vật liệu chính, dịch vụ, lao động)..*

Ngành nghề:

Sản xuất các loại sản phẩm plastic

Bán buôn các loại máy móc, linh kiện máy móc, phụ tùng thiết bị, các loại hoá chất, giường tủ...

Bán lẻ các loại ô tô con

Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương...

Thị trường: Sản xuất và thương mại theo đơn hàng của các công ty trong nước và nước ngoài

Mức độ cạnh tranh: chịu sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước

Đặc điểm kinh doanh ngành: kinh doanh liên tục

Các thay đổi trong công nghệ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chính: công nghệ sản xuất hiện đại, quy trình sản xuất được thực hiện qua nhiều công đoạn, dây chuyền và khâu kiểm định chất lượng.

Sự thu hẹp hay mở rộng quy mô kinh doanh của ngành: Quy mô của ngành được mở rộng cả về chất lượng và số lượng sản phẩm.

Nguồn cung cấp đầu vào cho ngành và giá cả:

Nguyên vật liệu: là các loại Dupont, hạt nhựa, hoá chất, linh kiện phụ tùng máy móc thiết bị...DN mua vật liệu chính của các nhà cung cấp trong nước, giá cả có phụ thuộc vào sự biến động của thị trường nhưng mức độ biến động theo ảnh hưởng của việc tăng giá không lớn.

Lao động: lao động phổ thông là chủ yếu

1.3. Môi trường pháp lý mà DN hoạt động

Các thông tin chung về môi trường pháp lý mà DN đang hoạt động bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau: Pháp luật và quy định có ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của DN như các quy định pháp luật đối với loại hình và ngành nghề kinh doanh của DN; Các quy định của Chính phủ hiện có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của DN như các quy định về tiền tệ và kiểm soát ngoại tệ; hỗ trợ tài chính của Chính phủ; thuế quan và các rào cản thương mại; thay đổi thuế áp dụng...

Pháp luật và các quy định có ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của DN như các quy định pháp luật với loại hình và ngành nghề kinh doanh của DN:

Các chính sách khuyến khích phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng trưởng quy mô lĩnh vực công nghiệp

Chính sách công nghiệp hoá của thành phố Hải Phòng

Các quy định của Chính phủ hiện có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của DN như các quy định về tiền tệ và kiểm soát ngoại tệ; hỗ trợ tài chính của Chính phủ; thuế quan và các rào cản thương mại; thay đổi thuế áp dụng...

Chính sách kiểm soát chặt chẽ tiền tệ, kiểm chế lạm phát của chính phủ

Chính sách thúc đẩy xuất khẩu, cân bằng cán cân xuất – nhập, giảm thiểu tình trạng nhập siêu, bình ổn kinh tế.

1.4. Các yếu tố bên ngoài khác ảnh hưởng tới DN

Tuy cũng phải gánh chịu ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế, tình trạng kinh tế của TP Hải Phòng vẫn rất khả quan:

GDP năm 2012 của thành phố tăng 11,03%, cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Trong đó, nhóm ngành nông, lâm, thủy sản tăng 4,5%; nhóm ngành công nghiệp, xây dựng tăng 10%; nhóm ngành dịch vụ tăng 12,8%. Kim ngạch xuất khẩu năm 2012 trên địa bàn tăng 18,9% so với năm trước. Chỉ số phát triển công nghiệp (IIP) tăng 10,02%.

2. Hiểu biết về DN

2.1. Các hoạt động và tình hình kinh doanh chủ yếu

Các thông tin chung về hoạt động và tình hình kinh doanh chủ yếu của DN bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin sau: Bản chất của các nguồn doanh thu: sản xuất, dịch vụ, tài chính/ bán buôn, bán lẻ; Mô tả các loại sản phẩm hoặc dịch vụ chính mà DN cung cấp; Thực hiện hoạt động: mô tả các giai đoạn của sản phẩm hoặc dịch vụ, phương thức sản xuất, cách thức phân phối sản phẩm hoặc dịch vụ; Mô tả các liên doanh, liên kết hoặc các hoạt động thuê ngoài quan trọng; Địa điểm sản xuất, kinh doanh, số lượng văn phòng; Các nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ quan trọng; Các hoạt động nghiên cứu phát triển; Các giao dịch với bên có liên quan...

Bản chất của các nguồn doanh thu:

Doanh thu từ sản xuất và thương mại

Doanh thu sản xuất bao gồm: doanh thu sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm plastic

Doanh thu thương mại bao gồm: doanh thu bán buôn máy móc, linh kiện máy móc, giường tủ, ô tô, vật liệu, thiết bị lắp đặt...

Các loại sản phẩm mà DN cung cấp:

- Các sản phẩm plastic (vỏ ốc quy, chai nhựa...)

- Bán buôn Máy móc, linh kiện máy móc thiết bị, phụ tùng lắp đặt, các loại vật liệu, hoá chất, bao bì...

- Bán lẻ ô tô con

- Bốc xếp hàng hoá, vận tải...

Thực hiện hoạt động:

Nghiên cứu tìm kiếm khách hàng, gửi thư chào hàng

Nhận đơn đặt hàng và ký hợp đồng kinh tế với khách hàng

Thực hiện sản xuất theo đơn hàng giao cho khách hàng

Hoặc xuất bán linh kiện, phụ tùng, vật liệu... cho khách hàng

Cách thức phân phối sản phẩm:

Giao hàng 1 lần hoặc theo nhiều đợt tùy theo từng hợp đồng kinh tế

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Số 15A – An Trì – phường Hùng Vương – quận Hồng Bàng – thành phố Hải Phòng

2.2. Sở hữu, các bên liên quan và cấu trúc tổ chức của DN

Sở hữu DN:

Thông tin về các cổ đông và thành viên chính trong DN (sở hữu từ 5% vốn điều lệ)

Ông Trần Tuấn Khanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Lưu Ly – thành viên

Các bên liên quan

Danh sách các tổ chức và cá nhân có liên quan tới DN

Mô tả cấu trúc tổ chức của DN theo các phòng, ban: (bằng mô tả hoặc bằng sơ đồ)

Đứng đầu Công ty là Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên góp vốn

Dưới HĐQT là Ban giám đốc bao gồm: Giám đốc và Phó Giám đốc

Dưới ban GD là các phòng ban bao gồm: Phòng hành chính, Phòng tài chính kế toán, Phòng thiết kế, Phòng sản xuất, Ban bảo vệ, Kho...

Trong đó phòng sản xuất có số lượng công nhân viên nhiều nhất, được chia thành các tổ, đội có các quản đốc quản lý.

2.3. Các thay đổi lớn về quy mô hoạt động của DN

Bao gồm: thông tin về tăng giảm vốn trong năm; Thông tin về đầu tư các tài sản quan trọng; Các hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty trong và ngoài tập đoàn...

Năm 2012 DN có đầu tư thêm hơn 10 tỷ đồng vốn kinh doanh để phát triển sản xuất kinh doanh, có đầu tư mới các TSCĐ, không đầu tư vào các công ty con và ngoài tập đoàn.

2.4. Hiểu biết về hệ thống kế toán áp dụng

Bao gồm: Hệ thống kế toán DN đang áp dụng . Có lập BCTC cho tập đoàn không; các chính sách kế toán quan trọng DN áp dụng; Các thay đổi chính sách kế toán năm nay; Yêu cầu đối với BCTC; Cấu trúc lập BCTC...

Áp dụng chế độ theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của BTC và thông tư 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009

Không lập BCTC cho tập đoàn mẹ, không thay đổi chính sách kế toán năm nay

BCTC đầy đủ Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh BCTC

2.5. Kết quả kinh doanh và thuế

Bao gồm: Mô tả nhận xét về kết quả kinh doanh và cách thức các nhà lãnh đạo DN quản lý kết quả kinh doanh; Thảo luận một vài tỷ suất tài chính cần lưu ý: Cấu trúc nợ, khả năng thanh toán... để có nhận định sơ bộ về tình hình tài chính; Các hoạt động liên quan thuế tài chính (nếu có); Các loại thuế quan trọng áp dụng...

Kết quả kinh doanh tương đối tốt, hệ số Doanh thu và lợi nhuận năm 2011 và 2012 đều cao. Lợi nhuận năm 2012 tăng 218,97% so với năm 2011

Hệ số khả năng thanh toán nhanh xấp xỉ 1,22, hệ số khả năng thanh toán hiện hành ở mức 1,87, chứng tỏ DN có khả năng thanh toán nợ tốt.

Nợ phải trả/ Tổng tài sản = 33%

Tỷ trọng nợ thấp hơn tỷ trọng của Vốn chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp. DN ít chiếm dụng vốn của DN khác. Vốn tự có cao. TS được đầu tư chủ yếu từ Vốn tự có.

3. Các vấn đề khác

3.1. Nhân sự chủ chốt của DN

Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp và kinh nghiệm	Liên lạc (mail/tell)
Ông Trần Tuấn Khanh	Chủ tịch HĐQT		
Bà Trần Thị Lưu Ly	Thành viên		
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Giám đốc		
Ông Nguyễn Duy Hiên	Phó giám đốc		
Bà Đặng Thị Hải Ninh	Kế toán trưởng		

3.2. Nhân sự kế toán

Họ và tên	Chức vụ	Công việc	Liên lạc (mail/tell)
Bà Đặng Thị Hải Ninh	Kế toán trưởng		

3.3. Các thông tin hành chính khác

Địa chỉ của DN và các đơn vị liên quan (nếu có)

Địa chỉ DN: An Trì – Hùng Vương – Hải Phòng

Thông tin về ngân hàng mà DN mở tài khoản

Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Phòng

Số 11 Hoàng Diệu – Hồng Bàng – Hải Phòng

C. KẾT LUẬN:

GIAO DỊCH BẤT THƯỜNG VÀ CÁC RỦI RO PHÁT HIỆN

Qua việc tìm hiểu khách hàng và môi trường kinh doanh, KTV cần xác định sơ bộ các rủi ro và trình bày tại phần này. Đối với các rủi ro phát hiện tại giai đoạn lập kế hoạch cần xác định rõ tài khoản ảnh hưởng, thủ tục kiểm toán cơ bản cho rủi ro đó. Các thủ tục kiểm tra cơ bản này cần được bổ sung vào chương trình kiểm tra cơ bản của các TK tương ứng.

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ Thực hiện thủ tục phân tích sơ bộ

Khi lập kế hoạch kiểm toán đối với vốn bằng tiền, KTV thường tiến hành các thủ tục phân tích sơ bộ, các thủ tục này thường được thực hiện như sau: so sánh số dư khoản mục tiền năm nay so với năm trước, so sánh tỷ trọng tiền trong tổng tài sản năm nay so với năm trước.

Trích giấy tờ làm việc của KTV liên quan đến khoản mục tiền như sau:

Bảng 2.7 : Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính – Bảng cân đối kế toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN		A510		
KẾ TOÁN AN PHÁT		Tên	Ngày	
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long		Người thực hiện	HPS	30/1/2013
Ngày khoá sổ: 31/12/2012		Người soát xét 1	TTH	30/1/2013
Nội dung: Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính		Người soát xét 2	PHT	30/1/2013

Bảng cân đối kế toán				
Tại ngày 31/12/2012				
Tài sản	31/12/2012	31/12/2011	Biến động	
	Trước KT	Sau KT	VND	%
A. Tài sản ngắn hạn	23.826.066.244	16.795.927.181	7.030.139.063	41,86%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.593.460.576	2.263.880.321	(670.419.745)	-29,61%
1. Tiền	1.593.460.576	2.263.880.321	(670.419.745)	-29,61%

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Qua bảng phân tích sơ bộ báo cáo tài chính đối với khoản mục tiền ta thấy: Tiền năm nay giảm so với năm trước ở cả hai khoản mục tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Doanh nghiệp đã sử dụng tiền dự trữ để đầu tư mua TSCĐ, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngoài thủ tục phân xu hướng, KTV còn thực hiện phân tích hệ số để kiểm tra số liệu có phù hợp không. Đó là việc tính toán các hệ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán bằng tiền

Bảng 2.8: Phân tích sơ bộ báo cáo tài chính – Bảng tổng hợp phân tích hệ số

Bảng tổng hợp phân tích hệ số					
Các hệ số thông thường sử dụng	Công thức áp dụng	Năm 2012 Trước KT	Năm 2011 Sau KT	Biến động	
				Giá trị	%
Hệ số thanh toán hiện hành	$TS\ ngắn\ hạn/Nợ\ ngắn\ hạn$	1,74	1,23	0,51	41,51%
Hệ số thanh toán nhanh	$(TS\ ngắn - HTK)/Nợ\ ngắn\ hạn$	1,16	0,54	0,63	116,53%
Hệ số thanh toán bằng tiền	$Tiền/Nợ\ ngắn\ hạn$	0,14	0,17	-0,03	-13,44%

Ý kiến nhận xét về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh năm nay đều cao hơn năm trước và đều lớn hơn 1, DN có đủ khả năng thanh toán Nợ ngắn hạn bằng các tài sản ngắn hạn để chuyển đổi thành tiền. Tuy nhiên, hệ số thanh toán bằng tiền trong cả 2 năm đều rất thấp chứng tỏ tiền dự trữ của DN không đủ để chi trả nợ ngắn hạn. DN cần xây dựng mức độ dự trữ tiền và các tài sản ngắn hạn để chuyển đổi thành tiền một cách phù hợp, đảm bảo khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn và ngắn hạn

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ **Đánh giá chung về hệ thống kiểm soát nội bộ và rủi ro gian lận**

Bảng 2.9: Bảng đánh giá chung về hệ thống KSNB

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT		A610	
		Tên	Ngày
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long Ngày khoá sổ: 31/12/2012 Nội dung: Đánh giá chung về hệ thống KSNB của đơn vị	Người thực hiện	HPS	30/1/2013
	Người soát xét 1	TTH	30/1/2013
	Người soát xét 2	PHT	30/1/2013

A. MỤC TIÊU

Đánh giá hệ thống KSNB ở cấp độ DN giúp KTV xác định sơ bộ nhân tố rủi ro, gian lận, lập kế hoạch kiểm toán và xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán.

B. NỘI DUNG CHÍNH:

Hệ thống KSNB ở cấp độ DN thường có ảnh hưởng rộng khắp tới các mặt hoạt động của DN. Do đó, hệ thống KSNB ở cấp độ DN đặt ra tiêu chuẩn cho các cấu phần khác của hệ thống KSNB. Hiểu biết về hệ thống KSNB ở cấp độ DN sẽ cung cấp một cơ sở quan trọng cho việc đánh giá hệ thống KSNB đối với các chu trình kinh doanh quan trọng. KTV sử dụng các xét đoán chuyên môn của mình để đánh giá hệ thống KSNB ở cấp độ DN bằng cách phỏng vấn, quan sát hoặc kiểm tra tài liệu. Việc đánh giá này chỉ giới hạn trong 3 thành phần cấu thành của hệ thống KSNB: (1) Môi trường kiểm soát; (2) Quy trình đánh giá rủi ro; và (3) Giám sát các hoạt động kiểm soát.

Các thành phần của hệ thống KSNB	Có	Không	Mô tả/ Ghi chú	Tham chiếu
1. Môi trường kiểm soát 1.1. Truyền thông và thực thi tính chính trực và giá trị đạo đức trong DN - Có quy định về giá trị đạo đức và các giá trị này có được thông tin đến các bộ phận của DN không? - Có quy định nào để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức không? - Các sai phạm về tính chính trực và giá trị đạo đức được xử lý như thế nào? Cách thức xử lý có được quy định rõ và áp dụng đúng đắn ? 1.2. Cam kết đối với năng lực và trình độ của nhân viên - Các nhà quản lý có danh tiếng hoặc bằng chứng về năng lực của họ không?	V			


- Những nhân viên mới có nhận thức được trách nhiệm của họ cũng như sự kỳ vọng của BGD không?	V			
- Kết quả công việc của mỗi nhân viên có được đánh giá và soát xét định kỳ không?	V			
2. Quy trình đánh giá rủi ro				
Rủi ro kinh doanh liên quan tới BCTC				
- Các nhà quản lý xác định rủi ro kinh doanh liên quan tới BCTC như thế nào?	V			
- Ước tính ảnh hưởng về mặt tài chính?	V			
- Đánh giá khả năng xảy ra rủi ro kinh doanh?	V			
- Các rủi ro kinh doanh phát hiện được giải quyết như thế nào?	V			
3. Giám sát các hoạt động kiểm soát				
3.1. Giám sát thường xuyên và định kỳ				
- Việc giám sát thường xuyên có được xây dựng trong các hoạt động của BN không ?	V			
- DN có chính sách xem xét lại hệ thống KSNB định kỳ và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống không?	V			
- DN có duy trì bộ phận kiểm toán nội bộ phù hợp không?		V		
- Bộ phận kiểm toán nội bộ có đủ kinh nghiệm chuyên môn và được đào tạo đúng đắn không?	V			
- Bộ phận kiểm toán nội bộ có duy trì hồ sơ đầy đủ về hệ thống KSNB và kiểm tra hệ thống KSNB của đơn vị không?	V			
- Bộ phận kiểm toán nội bộ có quyền tiếp cận sổ sách, chứng từ kế toán và phạm vi hoạt động của họ không bị hạn chế?	V			
3.2. Báo cáo các thiếu sót của hệ thống KSNB				
- DN có các chính sách, thủ tục để đảm bảo thực hiện kịp thời các biện pháp sửa chữa đối với các thiếu sót của hệ thống KSNB không?	V			
- BGD có xem xét các ý kiến đề xuất liên quan đến hệ thống KSNB đưa ra bởi KTV độc lập (hoặc KTV nội bộ) và thực hiện các đề xuất đó không?	V			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ **Xác định mức trọng yếu**

Việc tính toán mức trọng yếu và mức trọng yếu tổng thể cho Công ty TNHH Vân Long được thể hiện trên giấy làm việc A710 – Xác định mức trọng yếu như sau:

Bảng 2.10: Xác định mức trọng yếu

 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT A710			
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long		Tên	Ngày
Ngày khóa số: 31/12/2012		Người thực hiện	HPS 30/01/2013
Nội dung: Xác định mức trọng yếu		Người soát xét 1	TTH 30/01/2013
		Người soát xét 2	PHT 30/01/2013
A. Mục tiêu Xác định mức trọng yếu (kế hoạch- thực tế) được lập và phê duyệt theo chính sách của Công ty thông báo với thành viên nhóm kiểm toán về mức trọng yếu kế hoạch trước khi kiểm toán tại kế hoạch và có trách nhiệm xác định lại mức trọng yếu thực tế trong giai đoạn kết thúc kiểm toán để xác định xem các công việc và thủ tục kiểm toán đã được thực hiện đầy đủ hay chưa.			
B. Xác định mức trọng yếu			
Chỉ tiêu		Kế hoạch	Thực tế
Tiêu chí được sử dụng để ước tính mức trọng yếu		Doanh thu	Doanh thu
Lý do lựa chọn tiêu chí này để xác định mức trọng yếu	Doanh thu là tiêu chí tương đối ổn định qua các năm		
Giá trị tiêu chí được lựa chọn	(a)	60.000.000.000	63.289.575.667
Tỷ lệ sử dụng để ước tính mức trọng yếu	(b)	0,50%	0,50%
Mức trọng yếu tổng thể	(c)=(a)*(b)	300.000.000	316.447.878
Mức trọng yếu thực hiện	(d)=(c)*(50%-75%)	225.000.000	237.335.909
Ngưỡng sai sót không đáng kể/sai sót có thể bỏ qua	(e)=(d)*4%(tối đa)	9.000.000	9.493.436
<i>Căn cứ bảng trên, KTV chọn ra mức trọng yếu để áp dụng khi thực hiện kiểm toán</i>			
Chỉ tiêu lựa chọn	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch
Mức trọng yếu tổng thể	316.447.878	198.692.732	117.755.146
Mức trọng yếu thực hiện	237.335.909	99.346.366	137.989.543
Ngưỡng sai sót không đáng kể/sai sót có thể bỏ qua	9.493.436	3.973.855	5.519.582
Giải thích nguyên nhân có chênh lệch lớn về mức trọng yếu của năm nay so với năm trước Ngưỡng sai sót không đáng kể/ sai sót có thể bỏ qua của năm 2012 và năm 2011 có sự chênh lệch không đáng kể do 2 năm cùng sử dụng tiêu chí doanh thu để ước tính mức trọng yếu và doanh thu năm 2012 tăng so với năm 2011 là 23.551.029.275 đồng			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ **Thiết kế chương trình kiểm toán**

Chương trình kiểm toán được APS thiết lập theo một mẫu chung được áp dụng cho mọi cuộc kiểm toán. Do đó khi kiểm toán khoản mục tiền tại Công ty TNHH Vân Long cũng sử dụng chương trình kiểm toán này.

Tuỳ từng khách hàng cụ thể mà KTV có thể bỏ qua bước công việc này hay bổ sung thêm bước công việc khác. Đây là cơ sở để KTV tiến hành kiểm toán.

Sau khi hoàn thành các thủ tục trong chương trình kiểm toán, KTV sẽ tiến hành ghi tên, ngày tháng thực hiện và ký hiệu tham chiếu tài liệu chứng minh cho các thủ tục đã thực hiện lên chương trình kiểm toán. Công việc này rất hữu ích và bắt buộc thực hiện vì nó giúp cho trưởng nhóm kiểm toán có thể quản lý tốt cuộc kiểm toán về tiến độ và chất lượng.

Sau đây là chương trình kiểm toán tiền trích từ giấy làm việc của KTV:

Bảng 2.11: Chương trình kiểm toán tiền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT		D130	
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long		Tên	Ngày
Ngày khóa sổ: 31/12/2012	Người lập CT	NTTH	30/01/2012
Nội dung: Tiền	Người soát xét 1	TTH	30/01/2012
	Người soát xét 2	PHT	30/01/2012
A. Mục tiêu			
Đảm bảo các khoản tiền là có thực, thuộc quyền sở hữu của DN, được hạch toán và đánh giá đầy đủ, chính xác, đúng niên độ, và trình bày trên BCTC phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.			
B. Rủi ro sai sót trọng yếu của khoản mục			
Các rủi ro trọng yếu	Các thủ tục kiểm toán	Người thực hiện	Tham chiếu

C. Các thủ tục kiểm toán

STT	Thủ tục	Người thực hiện	Tham chiếu
I. Thủ tục chung			
1	Kiểm tra các nguyên tắc kế toán áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành		
2	Lập bảng số liệu tổng hợp có so sánh với số dư cuối năm trước. Đối chiếu các số dư trên bảng số liệu tổng hợp với BCĐPS và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước nếu có.		
II. Kiểm tra phân tích			
1	So sánh số dư tiền và các khoản tương đương tiền năm nay so với năm trước và giải thích những biến động bất thường		
2	Phân tích tỷ trọng số dư tiền gửi trên tổng tài sản ngắn hạn, các tỷ suất tài chính về tiền và khả năng thanh toán và so sánh với số dư cuối năm trước, giải thích những biến động bất thường		
III. Kiểm tra chi tiết			
1	Thu thập bảng tổng hợp số dư tiền tại các quỹ và các ngân hàng tại ngày khóa sổ, tiến hành đối chiếu với các số dư trên sổ chi tiết, sổ cái và BCTC		
2	Chúng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt tại ngày khóa sổ và đối chiếu với số dư của sổ quỹ và sổ chi tiết tại ngày khóa sổ, đảm bảo toàn bộ các quỹ của DN đều được kiểm kê		
3	Lập và gửi thư xác nhận số dư tài khoản để gửi đến ngân hàng. Tổng hợp kết quả nhận được, đối chiếu với số dư trên sổ chi tiết. Giải thích các khoản chênh lệch (nếu có)		

4	Đọc lướt sổ cái để phát hiện những nghiệp vụ bất thường về giá trị, về tài khoản đối ứng hoặc về bản chất nghiệp vụ. Kiểm tra cách tính toán và hạch toán chênh lệch tỷ giá		
5	Kiểm tra việc áp dụng tỷ giá chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán đối với các số dư tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ. Kiểm tra cách tính toán và hạch toán chênh lệch tỷ giá		
6	Đối với tiền đang chuyển: Đối chiếu các séc chưa về tài khoản tiền gửi và các khoản khác như chuyển khoản, các nghiệp vụ chuyển tiền giữa các đơn vị nội bộ với sổ phụ ngân hàng tại ngày lập bảng CĐKT.		
7	Kiểm tra việc hạch toán các khoản thấu chi tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản tài sản đảm bảo (nếu có)		
8	Kiểm tra các khoản thu, chi lớn hoặc bất thường trước và sau ngày khóa sổ, xác định xem chúng có được ghi nhận đúng kỳ không		
9	Kiểm tra việc trình bày vốn bằng tiền trên BCTC		
IV. Thủ tục kiểm toán khác			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

2.2.2.2. Thực hiện kiểm toán


Việc thực hiện kiểm toán vốn bằng tiền được tiến hành theo chương trình kiểm toán do công ty và KTV chọn lọc thiết kế trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Sau khi lập kế hoạch kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán phân công thực hiện cuộc kiểm toán theo đúng chương trình kiểm toán của công ty. Để hiểu rõ thực trạng về kiểm toán tiền trong giai đoạn thực hiện kiểm toán Công ty TNHH Vân Long cần xem xét theo các trình tự sau:

❖ **Thực hiện thử nghiệm kiểm soát**

Việc khảo sát hệ thống KSNB là cơ sở để KTV đánh giá rủi ro kiểm soát và thiết kế các thử nghiệm kiểm soát phù hợp. Tuy nhiên, Công ty kiểm toán không tiến hành khảo sát hệ thống KSNB đối với tiền do vậy KTV không thực hiện thử nghiệm kiểm soát trong quá trình kiểm toán cho Công ty TNHH Vân Long.

❖ **Thực hiện các thủ tục phân tích**

Bảng 2.12: Bảng phân tích tỷ trọng

		Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Kế toán An Phát	
Tên khách hàng	Công ty TNHH Vân Long		
Niên độ kế toán	01/01/2012 – 31/12/2012	Tham chiếu: D142	
Khoản mục	TK 111, 112	Người thực hiện: HPS	
Bước công việc	Phân tích tỷ trọng	Ngày thực hiện: 30/01/2013	
<p>Mục tiêu: Phân tích tỷ trọng TGNH/ Tổng TSNH và tỷ suất khả năng thanh toán</p> <p>Nguồn gốc số liệu: Bảng cân đối phát sinh</p> <p>Nội dung:</p> <p>Tỷ trọng TGNH/ Tổng TSNH = $\frac{1.582.684.525}{25.301.738.309} = 6,26\%$ 2012</p> <p>Tỷ trọng TGNH/ Tổng TSNH = $\frac{2.238.596.503}{16.795.927.181} = 13,33\%$ 2011</p> <p>Tỷ suất khả năng thanh toán nhanh = Tiền/Nợ ngắn hạn = $\frac{1.593.460.576}{11.785.333.824} = 0,135$ 2012</p> <p>Tỷ suất khả năng thanh toán nhanh = $\frac{2.263.880.321}{13.642.364.493} = 0,165$ 2011</p> <p>Tỷ trọng TGNH/ Tổng TSNH năm 2012 giảm so với năm 2011 là 7,07%</p> <p>Tỷ suất khả năng thanh toán nhanh năm 2012 giảm so với năm 2011 là 0,03 lần</p> <p>Chứng tỏ khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp năm 2012 kém hơn so với năm 2011. Tuy nhiên tỷ suất khả năng thanh toán trong cả 2 năm đều không cao, Tiền không đủ chi trả nợ ngắn hạn. Doanh nghiệp cần có mức dự trữ tiền tại quỹ hợp lý hơn.</p>			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

❖ *Thực hiện kiểm tra chi tiết***Bảng 2.13: Bảng kiểm tra các nguyên tắc kế toán****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT****Tên khách hàng:** Công ty TNHH Vân Long**Tham chiếu:** D140**Niên độ kế toán:** 01/01/2012 đến 31/12/2012**Người thực hiện:** HPS**Khoản mục:** Tiền và các khoản tương đương tiền**Ngày thực hiện:** 30/1/2013**Bước công việc :** Kiểm tra các nguyên tắc kế toán**Mục tiêu:**

Kiểm tra sự nhất quán của các nguyên tắc kế toán năm nay với năm trước, sự phù hợp của các nguyên tắc kế toán của Công ty với chế độ kế toán VN

Nội dung:

Phòng văn kế toán trưởng về chế độ kế toán của Công ty:

Các nghiệp kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Kết luận:

Các nguyên tắc kế toán được áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành.

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.14: Bảng số liệu tổng hợp tiền

							D110		
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT							Tên	Ngày	
Tên khách hàng: Công ty TNHH Vân Long							Người thực hiện	HPS	30/01/2013
Ngày khoá số: 31/12/2012							Người soát xét 1	TTH	30/01/2013
Nội dung: Bảng số liệu tổng hợp tiền							Người soát xét 2	PHT	30/01/2013
TK	Diễn giải	Giấy tờ chi tiết	31/12/2012 Trước KT	Điều chỉnh thuần	31/12/2012 Sau KT	31/12/2011 Sau KT	Biến động		
							Giá trị	Tỷ lệ	
111	Tiền mặt tồn quỹ		10.774.801	-	10.774.801	25.283.818	(14.509.017)	57,38%	
1111	Tiền mặt VNĐ		10.774.801		10.774.801	25.283.818	(14.509.017)	57,38%	
112	Tiền gửi ngân hàng		1.582.684.525	1.250	1.582.685.775	2.238.596.503	(655.910.728)	29,30%	
1121	Tiền gửi ngân hàng VNĐ		1.553.242.064	-	1.553.242.064	2.213.301.647	(660.059.583)	29,82%	
11211	NH Techcombank		-	-	-	8.900.727	(8.900.727)	100,00%	
11212	NH Vietcombank		1.545.220.281		1.545.220.281	2.198.335.594	(653.115.313)	29,71%	
11213	NH VID		3.141.315		3.141.315	5.065.326	(1.924.011)	37,98%	
11215	NH Á Châu		4.880.468		4.880.468	1.000.000	(3.880.468)	388,05%	
1122	TGNH USD		29.442.461	1.250	29.443.711	25.294.856	(4.148.855)	16,40%	
11222	NH Techcombank		-	-	-	(62.475)	62.475	100,00%	
11221	NH Vietcombank		29.442.461		29.442.461	25.357.331	4.085.130	16,11%	
11223	NH Á Châu		-	1.250	1.250	-	1.250	-	
	Tổng cộng		1.593.459.326	1.250	1.593.460.576	2.263.880.321	(670.419.745)	29,61%	

c/c TB, GL

PY c/c

TB, GL: Khớp với số liệu trên bảng cân đối phát sinh và sổ cái

PY: Khớp với BCKT năm trước

c/c: Kiểm tra việc cộng tổng và đồng ý

Phân tích biến động:

Qua bảng số liệu trên ta thấy:

Tiền năm 2012 giảm so với năm 2011 là 670.419.745 đồng, tương ứng 29,61%

Nguyên nhân giảm là do tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của đơn vị đều giảm:

Tiền mặt tại quỹ giảm 14.509.517 đồng, tương ứng 57,38%

Tiền gửi ngân hàng giảm 655.910.728 đồng, tương ứng 29,3%

Tiền giảm có thể là do đơn vị dùng tiền để đầu tư mua nguyên vật liệu

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.15: Bảng tổng hợp các tài khoản đối ứng với TK 111

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
Tên khách hàng:	Công ty TNHH Vân Long	Tham chiếu	D151
Niên độ kế toán:	Năm 2012	Người thực hiện	HPS
Khoản mục :	TK 1111	Ngày thực hiện	30/1/2013
	Tiền mặt – tiền Việt Nam		
Bước công việc	Tổng hợp đối ứng tài khoản		

TKĐƯ	PS Nợ	PS Có	Ghi chú
11211	1.361.572.993	-	
11212	14.775.000.000	15.121.710.000	
11213	-	198.000.000	
11215	-	335.100.000	
11222	-	259.350	
131	5.972.074.726	-	
13311	-	100.186.379	
1388	-	62.315.625	
1421	-	20.381.636	
2412	-	4.545.455	
2422	-	53.591.817	
331	-	266.593.552	
33312	-	116.795.352	
3333	-	14.814.338	
334	-	3.257.063.096	
335	-	13.964.000	
3353	-	34.733.162	
3382	-	19.711.000	
3383	-	61.689.500	
3388	-	12.880.000.000	
3531	-	67.800.000	
3532	-	34.532.590	
4111	13.497.117.000	400.000.000	
418	-	140.436.747	
627	-	453.857.801	
641	-	431.256.086	
642	-	510.883.021	
811	-	53.229	
Cộng	35.605.764.719	35.620.273.736	
Dư đầu kỳ:	25.283.818 (PY 2011)	-	} TB, LS
2012			
Dư cuối kỳ:	10.744.801	-	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.16: Bảng tổng hợp tiền gửi ngân hàng

Ngân hàng		TK	Dư đầu kỳ		Phát sinh nợ		Phát sinh có		Dư cuối kỳ kế toán		DCK theo SPNH		CL
			USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	USD	VNĐ	
Ngân hàng Techcombank				8.838.252		1.353.325.116		1.362.163.368			-		
VNĐ	11211			8.900.727		1.353.046.266		1.361.946.993			0		0
USD	11222	(3,30)		-62.475	14,3	278.850	11	216.375	0		0		0
Ngân hàng Vietcombank				2.223.692.925		108.569.279.799		109.218.309.982			1.574.662.742		
VNĐ	11212			2.198.335.594		75.220.486.511		75.873.601.864			1.545.220.281		1.545.220.281
USD	11221	1.339,39		25.357.331		33.348.793.248		33.344.708.118	1.413,6		29.442.461	1413,6	
NH VID				5.065.326		198.438.145		200.362.156			3.141.315		
VNĐ	11213			5.065.326		198.438.145		200.362.156			3.141.315		3.141.315
NH Á Châu				1.000.000		697.367.473		693.487.005			4.880.468		
VNĐ	11215			1.000.000		355.219.193		351.338.725			4.880.468		4.880.468
USD	11223				16,4	342.148.280	16,4	342.148.280			0	0,06	1.250
Tổng				2.238.596.503		110.818.410.533					1.582.684.525		
Theo CĐPS				2.238.596.503		110.818.410.533					1.582.684.525		

1. Hạch toán lãi tiền gửi USD ngân hàng ACB	2. Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái USD ngân hàng ACB
Nợ TK 11223 1.257	Nợ TK 413 7
Có TK 515 1.257	Có TK 11223 7

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.17: Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản đối với tiền VNĐ gửi ngân hàng Techcombank

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
<i>Tên khách hàng:</i> Công ty TNHH Vân Long		<i>Tham chiếu</i>	
<i>Niên độ kế toán:</i> Năm 2012			
<i>Khoản mục</i> :	TK 11211	<i>Người thực hiện</i>	NTTH
Tiền VNĐ gửi ngân hàng TCB		<i>Ngày thực hiện</i>	30/1/2013
<i>Bước công việc</i>	Tổng hợp đối ứng tài khoản		
TKĐƯ	PS nợ	PS có	Ghi chú
1111	-	1.361.572.993	
131	1.352.282.161	-	
515	764.105	-	
642	-	374.000	
Cộng	1.353.046.266	1.361.946.993	
Dư đầu kỳ:	8.900.727(PY 2011)	-	} TB, LS 2012
Dư cuối kỳ:	-	-	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.19: Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản đối với tiền VNĐ gửi ngân hàng VID

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
<i>Tên khách hàng:</i> Công ty TNHH Vân Long		<i>Tham chiếu</i>	
<i>Niên độ kế toán:</i> Năm 2012			
<i>Khoản mục</i> :	TK 11213	<i>Người thực hiện</i>	NTTH
Tiền VNĐ gửi ngân hàng VID		<i>Ngày thực hiện</i>	30/1/2013
<i>Bước công việc</i>	Tổng hợp đối ứng tài khoản		
TKĐƯ	PS nợ	PS có	Ghi chú
1111	198.000.000	-	
13311	-	10.000	Phí dịch vụ tài khoản
315	-	160.800.000	Trả tiền gốc
515	438.145	-	
635	-	39.259.656	
642	-	292.500	
Cộng	198.438.145	200.362.156	
Dư đầu kỳ:	5.065.326 (PY 2011)	-	} TB, LS 2012
Dư cuối kỳ:	3.141.315	-	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.20: Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản đối với tiền VNĐ gửi ngân hàng Á Châu

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
<i>Tên khách hàng:</i>		<i>Công ty TNHH Vân Long</i>	
<i>Niên độ kế toán:</i>		<i>Năm 2012</i>	<i>Tham chiếu</i>
<i>Khoản mục :</i>	TK 11215	<i>Người thực hiện</i>	NTTH
<i>Bước công việc</i>	Tiền VNĐ gửi ngân hàng Á Châu	<i>Ngày thực hiện</i>	30/1/2013
	Tổng hợp đối ứng tài khoản		
TKĐƯ	PS nợ	PS có	Ghi chú
1111	355.100.000	-	
11223	-	342.148.280	Mua USD thanh toán tiền hàng
13311	-	56.959	Phí ký quỹ mở LC
515	119.193	-	
642	-	9.133.486	Phí ký quỹ và phí chuyển tiền
Cộng	355.219.193	351.338.725	
Dư đầu kỳ:	1.000.000 (PY 2011)	-	} TB, LS 2012
Dư cuối kỳ:	4.880.468	-	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.21: Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản đối với tiền USD gửi ngân hàng Vietcombank

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
<i>Tên khách hàng:</i> Công ty TNHH Vân Long			
<i>Niên độ kế toán:</i> Năm 2012		<i>Tham chiếu</i>	
<i>Khoản mục</i> :	TK 11221	<i>Người thực hiện</i>	NTTH
Tiền USD gửi ngân hàng VCB		<i>Ngày thực hiện</i>	30/1/2013
<i>Bước công việc</i>	Tổng hợp đối ứng tài khoản		
TKĐƯ	PS nợ	PS có	Ghi chú
1111	33.343.146.998	-	
144	-	7.056.921.375	ký quỹ
3112	-	17.276.478.515	
315	-	2.717.213.000	trả nợ vay
331	-	6.292.534.108	
413	-	1.288.179	
515	5.646.250	-	
642	-	272.941	Phí quản lý TK
Cộng	33.348.793.248	33.344.708.118	
Dư đầu kỳ:	25.357.331 (PY 2011)	-	} TB, LS 2012
Dư cuối kỳ:	29.442.461	-	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.22: Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản đối với tiền USD gửi ngân hàng Techcombank

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
<i>Tên khách hàng:</i> Công ty TNHH Vân Long			
<i>Niên độ kế toán:</i> Năm 2012		<i>Tham chiếu</i>	
<i>Khoản mục</i> :	TK 11222	<i>Người thực hiện</i>	NTTH
	Tiền USD gửi ngân hàng TCB	<i>Ngày thực hiện</i>	30/1/2013
<i>Bước công việc</i>	Tổng hợp đối ứng tài khoản		
TKĐƯ'	PS nợ	PS có	Ghi chú
1111	259.350	-	Mua USD để đóng TK
413	-	1.875	
642	-	214.500	Phí đóng TK
711	19.500	-	
Cộng	278.850	216.375	
Dư đầu kỳ:	-	62.475 (PY 2011)	} TB, LS 2012
Dư cuối kỳ:	-	-	


Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.23: Bảng tổng hợp đối ứng tài khoản đối với tiền USD gửi ngân hàng Á Châu

APS		CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT	
<i>Tên khách hàng:</i>	<i>Công ty TNHH Vân Long</i>		
<i>Niên độ kế toán:</i>	<i>Năm 2012</i>		<i>Tham chiếu</i>
<i>Khoản mục :</i>	<i>TK 11223</i>		<i>Người thực hiện</i> NTTH
	Tiền USD gửi ngân hàng Á Châu		<i>Ngày thực hiện</i> 30/1/2013
<i>Bước công việc</i>	<i>Tổng hợp đối ứng tài khoản</i>		
TKĐƯ	PS nợ	PS có	Ghi chú
1111	342.148.280	-	
144	-	239.645.000	ký quỹ
331	-	102.503.280	thanh toán tiền hàng
Cộng	342.148.280	342.148.280	
Dư đầu kỳ:	-	-	} TB,LS 2012
Dư cuối kỳ:	-	-	

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.24: Bảng đánh giá chênh lệch tỷ giá

		Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Kế toán An Phát	
Tên khách hàng		Công ty TNHH Vân Long	
Niên độ kế toán	Năm 2012	<i>Tham chiếu</i>	
Khoản mục	TK 112	<i>Người thực hiện: NTTH</i>	
Bước công việc	Đánh giá chênh lệch tỷ giá	<i>Ngày thực hiện: 30/01/2013</i>	
TK 11221: Ngân hàng Vietcombank – USD			
Huỷ bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ			
	Nợ TK 11221		-3.840.054
	Có TK 515		-3.840.054
		USD	Tỷ giá
			VND
Số dư cuối kỳ theo sổ sách	1.413,6	20.828	29.442.461
Số điều chỉnh			-3.840.054
Số cuối kỳ sau điều chỉnh	1.413,6		25.602.407
Tỷ giá bình quân liên ngân hàng		20.828	
Theo bình quân liên ngân hàng	1.413,6	20.828	29.442.461
Theo FIFO	1.413,6		29.736.403
	31/12/2012	0,28	21.004
	31/12/2012	2,49	21.005
	29/12/2012	1.410,83	21.036
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ: $29.736.403 - 25.602.407 = 4.133.996$			
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ: $29.442.461 - 29.736.403 = -293.942$			
Bút toán điều chỉnh:			
Huỷ bút toán chênh lệch tỷ giá trong kỳ			
	Nợ TK 11221		-3.840.054
	Có TK 515		-3.840.054
Bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ			
	Nợ TK 11221		4.133.996
	Có TK 515		4.133.996
Bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ			
	Nợ TK 413		-293.942
	Có TK 11221		-293.942

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

2.2.2.3. Kết thúc kiểm toán

- Xem xét các phát hiện và đưa ra bút toán điều chỉnh, thảo luận với khách hàng về các điều chỉnh. Do khoản mục tiền có liên quan mật thiết đến tất cả các tài khoản khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh nên KTV phải xem xét ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh của khoản mục tiền với các khoản mục khác như chi phí, doanh thu, lãi vay và ngược lại.


- Xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán: không có sự kiện phát sinh ảnh hưởng đến BCTC 2012

- Lập trang Kết luận kiểm tra: Sau khi thống nhất với khách hàng về các bút toán điều chỉnh và xem xét các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán, KTV lập trang kết luận kiểm toán về khoản mục tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Trích giấy tờ làm việc của kiểm toán viên trong bảng 2.25 và 2.26

- Soát xét giấy tờ làm việc khoản mục tiền: trong quá trình kiểm toán, sau khi hoàn thành các công đoạn nhất định thì phần làm việc của KTV và trợ lý kiểm toán đều được soát xét bởi trưởng nhóm kiểm toán. Nếu có vấn đề phát sinh hoặc bút toán điều chỉnh, Trưởng nhóm kiểm toán sẽ trao đổi trực tiếp với KTV hoặc trợ lý kiểm toán thực hiện phần hành đó. Sau khi hoàn thành công việc kiểm toán tại đơn vị, hồ sơ kiểm toán sẽ tiếp tục được soát xét bởi Trưởng phòng kiểm toán và Ban giám đốc trước khi phát hành báo cáo hoặc biên bản kiểm toán.


- Tổng hợp các công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán: KTV tập hợp tất cả các bằng chứng kiểm toán thu thập được trong quá trình kiểm toán để đưa ra ý kiến kiểm toán của mình. Sau đó, KTV lập biên bản kiểm toán và thảo luận khách hàng về các vấn đề phát sinh.

Bảng 2.25: Bảng kết luận kiểm toán khoản mục tiền mặt

		Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Kế toán An Phát	
Tên khách hàng	Công ty TNHH Vân Long		
Niên độ kế toán	Năm 2012	<i>Tham chiếu</i>	
Khoản mục	TK 111	<i>Người thực hiện: HPS</i>	
Bước công việc	Kết luận	<i>Ngày thực hiện: 30/01/2013</i>	
Kết luận kiểm toán			
Công việc đã tiến hành			
Công việc đã thực hiện với phần		TK 111	đã tiến hành đúng theo
chương trình kiểm toán			
Các vấn đề phát sinh			
Kiểm tra chi tiết các phiếu chi tháng 8,11,12 thấy các phiếu chi thiếu chữ ký người liên quan			
Đơn vị chưa in phiếu thu			
Đơn vị chưa cung cấp biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt tại ngày 31/12/2012			
Thiếu phiếu chi trả nợ vay Trần Thị Lưu Ly			
PCTM/08/11/062A		2.800.000.000	
	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ	25.283.818		25.283.818
Số phát sinh Nợ	35.605.764.719		35.605.764.719
Số phát sinh Có	35.620.273.736		35.620.273.736
Số dư cuối kỳ	10.774.801		10.774.801
Kết luận:			
Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên. Cơ sở dẫn liệu cho phần TK 111 là thích hợp trên khía cạnh trọng yếu và tổng số dư 10.774.801 là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.			

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

Bảng 2.26: Bảng kết luận kiểm toán khoản mục tiền gửi ngân hàng

		Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Kế toán An Phát	
Tên khách hàng	Công ty TNHH Vân Long		
Niên độ kế toán	Năm 2012	<i>Tham chiếu</i>	
Khoản mục	TK 112	<i>Người thực hiện: NTTH</i>	
Bước công việc	Kết luận	<i>Ngày thực hiện: 30/1/2013</i>	
Kết luận kiểm toán			
Công việc đã tiến hành			
Công việc đã thực hiện với phần		TK 112	đã tiến hành đúng theo
chương trình kiểm toán			
Các vấn đề phát sinh			
Kiểm tra chi tiết tháng 3, tháng 12: đầy đủ chứng từ ngân hàng			
Bút toán điều chỉnh			
1. Huỷ bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ USD ngân hàng Vietcombank			
	Nợ TK 11221	(3.840.054)	
	Có TK 515	(3.840.054)	
2. Bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ USD ngân hàng Vietcombank			
	Nợ TK 11221	4.133.996	
	Có TK 515	4.133.996	
3. Bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ USD ngân hàng Vietcombank			
	Nợ TK 413	293.942	
	Có TK 11221	293.942	
4. Hạch toán lãi tiền gửi USD ngân hàng ACB			
	Nợ TK 11223	1.257	
	Có TK 515	1.257	
5. Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái USD ngân hàng ACB			
	Nợ TK 413	7	
	Có TK 11223	7	

	Số trước kiểm toán	Điều chỉnh	Số sau kiểm toán
Số dư đầu kỳ	2.238.596.503		2.238.596.503
Số phát sinh Nợ	110.818.410.533	1.257	110.818.411.790
Số phát sinh Có	111.474.322.511	7	111.474.322.518
Số dư cuối kỳ	1.582.684.525		1.582.685.775

Kết luận:

Dựa vào kết quả công việc, theo ý kiến tôi ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trên. Cơ sở dẫn liệu cho phần TK 112 là thích hợp trên khía cạnh trọng yếu và tổng số dư **1.582.685.775** là trung thực theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và được lập nhất quán với các năm trước.

Nguồn: Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012

CHƯƠNG 3:

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH DO CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KẾ TOÁN AN PHÁT THỰC HIỆN

3.1. Định hướng phát triển của công ty

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát là một trong những công ty kiểm toán được thành lập đầu tiên ở Hải Phòng. Sự ra đời của APS đã góp phần phát triển loại dịch vụ mới nhưng vô cùng quan trọng trong nền kinh tế hiện nay. Qua 7 năm hoạt động, APS đã không ngừng vươn lên đáp ứng tốt hơn dịch vụ cho khách hàng, liên tục tăng trưởng về doanh thu và ngày càng đa dạng hoá dịch vụ.

Với kinh nghiệm thực tiễn về chuyên ngành, gần gũi với khách hàng, tận tình và thông thạo nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế tại Việt Nam, hiểu rõ yêu cầu kinh doanh và các khó khăn gặp phải trong kinh doanh, Công ty có thể tư vấn cho khách hàng giải quyết vấn đề 1 cách hiệu quả nhất. Chính vì lẽ đó, phương châm hoạt động của Công ty là luôn đảm bảo chất lượng dịch vụ trong mọi lĩnh vực. Các kiểm toán viên tuân thủ nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật thông tin. Hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước cũng như các chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được chấp nhận chung. Với nỗ lực của Ban Giám đốc công ty cùng toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát đang ngày càng nỗ lực khẳng định mình trở thành một trong những công ty hàng đầu của cả nước, khu vực và thế giới. Công ty đề ra các phương hướng phát triển như sau:

Thứ nhất, nâng cao hơn nữa năng lực, trình độ của đội ngũ nhân viên trong công ty, khuyến khích lòng yêu nghề, sức sáng tạo và sự cống hiến của nhân viên trong công ty bằng các chính sách, quy định, chế độ đãi ngộ hợp lý.

Thứ hai, đảm bảo thực hiện và phát huy vai trò của bộ phận quản lý, bộ phận kiểm soát chất lượng trong quá trình kiểm toán.

Thứ ba, nâng cao chất lượng kiểm toán bằng cách sử dụng phương pháp kiểm toán phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng khách hàng.

3.2. Đánh giá công tác kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện

3.2.1. Kết quả đạt được

Về đội ngũ nhân viên, APS có đội ngũ KTV trẻ và năng động, được đào tạo chính quy, có kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và pháp luật. Mặt khác, đội ngũ kiểm toán viên được phân theo những mức độ về trình độ chuyên môn và số năm kinh nghiệm. Việc phân chia này sẽ giúp cho việc sắp xếp công việc được tốt hơn. Những người có trình độ cao hơn thì được phân phụ trách các công việc hay khoản mục phức tạp hơn. Như vậy vừa đảm bảo cho cuộc kiểm toán tiến hành nhanh chóng, vừa đảm bảo chất lượng cuộc kiểm toán.

Về quy trình kiểm toán do APS xây dựng tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Với các bước trong quy trình chung là lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán báo cáo tài chính, công ty đã vận dụng các chương trình kiểm toán một cách linh hoạt để hoàn thiện quy trình, từ đó nâng cao chất lượng kiểm toán và tạo thành một thứ mang tính “công nghệ” mang bản chất riêng của APS.

Đi sâu vào từng giai đoạn trong quy trình kiểm toán vốn bằng tiền có thể nhận thấy một số ưu điểm của Công ty như sau:

3.2.1.1. Giai đoạn lập kế hoạch

Là một trong những công ty kiểm toán có uy tín khi mới thành lập đến nay số lượng khách hàng của công ty đã ngày càng phát triển và đa dạng. Đó phần lớn là nhờ công ty có một đội ngũ nhân viên nhiều kinh nghiệm được đào tạo rất chuyên nghiệp và một Ban lãnh đạo luôn luôn áp dụng linh hoạt chương trình kiểm toán công ty mình và mở rộng quan hệ với khách hàng. Do vậy, việc tiếp cận với khách hàng có nhu cầu được sử dụng các dịch vụ của công ty được tiến hành rất nhanh chóng và tiết kiệm chi phí.

Sau khi ký được hợp đồng kiểm toán với một khách hàng, công ty tiến hành lập kế hoạch kiểm toán. Tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) số 300 – *Lập kế hoạch kiểm toán*, KTV thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến khách hàng. Kế hoạch kiểm toán do APS thiết kế rất đầy đủ và chi tiết. Nhờ việc lập kế hoạch kiểm toán được Ban Giám đốc công ty APS chỉ đạo thực hiện kỹ lưỡng nên tạo điều kiện thuận lợi cho các KTV trong quá trình kiểm toán.

Để đảm bảo việc thực hiện công việc hợp lý và tránh được rủi ro, trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán sau khi thu thập các thông tin của khách hàng thì công ty tiến hành tiếp tục đánh giá tổng quan về hệ thống KSNB; thủ tục phân tích sơ bộ; đánh giá tính trọng yếu và rủi ro xảy ra sai sót trong BCTC của khách hàng. Bước công việc này đã được công ty đưa vào thực hiện có tầm quan trọng với chất lượng của cuộc kiểm toán.

Căn cứ vào các Thông tư, Quyết định, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành cũng như các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế, thêm vào đó là những kinh nghiệm có được trong quá trình công tác tích lũy được, công ty đã xây dựng chương trình kiểm toán theo một mẫu sẵn áp dụng cho mọi cuộc kiểm toán. Chương trình kiểm toán được xây dựng đã hướng dẫn cho KTV các thủ tục kiểm toán cần thực hiện trong một cuộc kiểm toán.

3.2.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

Khi thực hiện kiểm toán, các KTV của APS luôn tuân thủ chương trình kiểm toán đã xây dựng đồng thời tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam, các Quyết định, chính sách do Bộ tài chính ban hành...

Mặc dù thời gian thực hiện cho mỗi cuộc kiểm toán rất ngắn nhưng KTV vẫn vận dụng linh hoạt các phương pháp kỹ thuật kiểm toán để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán đủ để đưa ra kết luận kiểm toán.

3.2.1.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán

Kết thúc kiểm toán là giai đoạn cuối cùng của một cuộc kiểm toán nhằm tổng hợp công việc kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán.

Công ty luôn chú trọng công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán trong toàn bộ cuộc kiểm toán và đặc biệt là trong giai đoạn kết thúc kiểm toán. Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán cũng được triển khai cơ bản, tuân thủ theo quy định chung của ngành kiểm toán độc lập cũng như quy định của công ty. Cụ thể, cuối mỗi ngày làm việc, giấy tờ làm việc đều được nộp cho trưởng nhóm kiểm toán để soát xét và nắm bắt được tiến độ công việc, từ đó có thể điều chỉnh kế hoạch kiểm toán cho phù hợp với thực tế hoạt động. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện rà soát lại báo cáo tài chính trước khi phát hành báo cáo kiểm toán cuối cùng.

Chính nhờ phương pháp và cách thức làm việc có kỷ luật và khoa học trên, tất cả các công việc được giao tại cuộc kiểm toán cho công ty TNHH Vân Long đã hoàn thành đúng kế hoạch. Các giấy tờ làm việc của kiểm toán viên được trình bày khoa học, hợp lý theo hồ sơ kiểm toán. Các kiểm toán viên không ngừng nâng cao hiệu quả công việc được giao, giảm thời gian làm việc ở mức tối đa nhưng vẫn đảm bảo thu thập bằng chứng kiểm toán có chất lượng. Nhờ đó, kết quả kiểm toán vốn bằng tiền nói riêng và toàn bộ BCTC nói chung của Công ty TNHH Vân Long đều phản ánh trung thực và hợp lý thông tin khách hàng.

3.2.2. Hạn chế

Trải qua 7 năm hoạt động, dù đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường kiểm toán Việt Nam song Công ty APS còn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển và hội nhập.

❖ Về đội ngũ nhân viên

- Về chất lượng nhân viên: Tất cả các nhân viên đều tốt nghiệp các trường đại học về chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính – ngân hàng nhưng chỉ có một số nhân viên đã có chứng chỉ Kiểm toán viên và có nhiều nhân viên mới tốt nghiệp đại học chưa có kinh nghiệm.

- Về số lượng nhân viên: Hiện nay, công ty APS đang đứng trước nguy cơ của sự thiếu nhân lực đặc biệt là trong mùa kiểm toán. Nhân viên phải làm việc liên tục, nhiều khi trong tuần không có ngày nghỉ, dẫn đến ảnh hưởng đến sức khoẻ của nhân viên và chất lượng của cuộc kiểm toán.

❖ Về đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tiền

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát đã thực hiện đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khách hàng bằng bảng câu hỏi nhưng Công ty chưa thực hiện đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tiền.

❖ Về việc áp dụng thủ tục phân tích

Đối với khoản mục tiền, công ty đã áp dụng thủ tục phân tích xu hướng và phân tích tỷ suất. Cụ thể công ty đã so sánh khoản mục tiền giữa năm kiểm toán với năm trước. So sánh hệ số khả năng thanh toán hiện hành, hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán bằng tiền giữa năm kiểm toán với năm trước nhưng nội dung phân tích biến động chưa sâu sát, chưa chỉ rõ nguyên nhân của sự biến động.

3.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền

Từ năm 2006 trở lại đây, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, môi trường kinh tế của Việt Nam càng đòi hỏi tính minh bạch trong thông tin tài chính. Ước tính hiện nay mức cầu từ dịch vụ kiểm toán độc lập tăng gấp 10 lần so với năm 2006. Bên cạnh đó, nhu cầu tư vấn tài chính của các doanh nghiệp ngày càng lớn, cần những nhà cung cấp thực sự có năng lực và trình độ. Trước hoàn cảnh trên, KTV cần tạo lập một phong cách làm việc chuyên nghiệp, theo chuẩn quốc tế là mục tiêu và cũng là phương châm mà APS hướng tới nhằm tạo dựng lòng tin từ phía khách hàng.

Hơn thế nữa, để có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh sôi động và khắc nghiệt hiện nay, nâng cao chất lượng dịch vụ là điều vô cùng quan trọng đối với mọi doanh nghiệp, đặc biệt đối với một doanh nghiệp kiểm toán. Việc đề ra các giải pháp để hoàn thiện kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán BCTC nhằm nâng cao chất lượng của công ty hiện nay là quan trọng. Mặt khác ngày càng nhiều các công ty kiểm toán quốc tế cung cấp dịch vụ kiểm toán tại Việt Nam. Đây là một trong những khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng của công ty nếu công ty không ngừng tăng cường chất lượng kiểm toán của mình.

3.3.2. Những yêu cầu về hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền

Để đáp ứng được những yêu cầu về quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC nói riêng thì kiểm toán vốn bằng tiền cũng phải được hoàn thiện cho phù hợp. Muốn đảm bảo cho việc hoàn thiện kiểm toán vốn bằng tiền trong kiểm toán BCTC có tính khả thi cao thì các nội dung đưa ra phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Phải phù hợp với các chính sách, chế độ quản lý kinh tế hiện hành của Nhà nước, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán đã ban hành và các thông lệ, chuẩn mực kiểm toán quốc tế phổ biến.

- Phải phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước mà trực tiếp là Bộ Tài chính đối với hoạt động kiểm toán hiện nay.

- Phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của Công ty kiểm toán và có ảnh hưởng tích cực đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán của Công ty.

3.3.3. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm toán vốn bằng tiền

Giải pháp 1: Nâng cao chất lượng và tăng cường số lượng đội ngũ nhân viên

- *Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên:*

Đội ngũ nhân viên đảm bảo về chất lượng không chỉ hướng tới hiệu quả cao của cuộc kiểm toán mà còn tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán chung được thừa nhận. Chuẩn mực kiểm toán chung đầu tiên nêu rõ “*quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi một hoặc nhiều người đã được đào tạo đầy đủ thành thạo như một KTV*”. Theo như điều 13 nghị định 105/2004/NĐ – CP, tiêu chuẩn của kiểm toán viên là: “*Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; Có bằng cử nhân chuyên ngành Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng hoặc chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán và thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên hoặc thời gian thực tế làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 4 năm trở lên; Có khả năng sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng và sử dụng thành thạo máy vi tính; Có Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp*”. Hiện nay, đội ngũ nhân viên của công ty chủ yếu là các nhân viên trẻ, vừa mới tốt nghiệp đại học nên chưa có kinh nghiệm và chưa đạt được các chuẩn mực kiểm toán. Vì vậy, hàng năm công ty cần tăng cường các đợt thi, sát hạch nhằm đánh giá trình độ năng lực của KTV và trợ lý KTV. Từ đó, sẽ có các kế hoạch để bồi dưỡng, Công ty cần tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nâng cao trình độ, tham gia học và thi để đạt Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp. Ngoài ra, công ty nên tạo điều kiện cho những nhân viên có năng lực tốt để đi học các lớp đào tạo chuyên sâu về kiểm toán ở nước ngoài.

Trình độ ngoại ngữ của các KTV còn hạn chế gây khó khăn cho các KTV trong việc tiếp cận các tài liệu chuyên môn bằng tiếng nước ngoài cũng như tham gia các khoá học đào tạo KTV tại nước ngoài. Điều này cũng gây khó khăn trong việc mở rộng thị trường kiểm toán ra các Công ty vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Do vậy, Công ty cần tạo điều kiện khuyến khích các KTV tham gia các khoá đào tạo tiếng Anh đặc biệt là các khoá đào tạo tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán.

- Giải pháp tăng cường số lượng KTV:

Hiện nay, tại Việt Nam đã có rất nhiều trường Đại học đào tạo về kiểm toán, Công ty có thể kết hợp với các trường đại học này nhằm phát hiện những sinh viên ưu tú và thu hút họ trở thành nhân viên của Công ty trong tương lai khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường. Việc này có thể được thực hiện thông qua việc liên kết đào tạo với các trường đại học. Công ty có thể cử các kiểm toán viên có kinh nghiệm trực tiếp tham gia giảng dạy cho sinh viên giúp sinh viên có những kiến thức sát với thực tế nhất và có thể thực hiện tốt công việc của mình sau khi ra trường. Công ty có thể tạo điều kiện cho các sinh viên trong giai đoạn thực tập tham gia thực tập tại Công ty, từ đó phát hiện những sinh viên có năng lực giữ lại làm việc tại Công ty.

Hơn nữa, trong giai đoạn hiện nay, với sức hút hấp dẫn từ lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán thì sự thay đổi về nguồn nhân lực tại các công ty kiểm toán đang dần trở thành một vấn đề mà các nhà quản lý tại các công ty kiểm toán quan tâm hàng đầu. Do đó, để tránh tình trạng nhân sự thay đổi và có thể thu hút được nhiều nhân tài thì bên cạnh chế độ lương, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hiện có công ty cần tạo môi trường làm việc tích cực, có những hoạt động, những quy định về khen thưởng phù hợp và cải thiện chế độ lương hấp dẫn nhằm tạo cho đội ngũ nhân viên thấy yên tâm và gắn bó lâu dài với sự phát triển lớn mạnh của công ty.

Giải pháp 2: Xây dựng bảng câu hỏi đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với tiền

KTV sử dụng “Bảng câu hỏi đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ đối với tiền” thông qua thực hiện phỏng vấn kế toán tiền mặt, thủ quỹ, kế toán tiền gửi ngân hàng.

Bảng 3.1: Bảng câu hỏi đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với khoản mục tiền tại Công ty TNHH Vân Long

Câu hỏi tìm hiểu HT KSNB	Có	Không	Ghi chú
1. Công việc thủ quỹ và kế toán tiền mặt có do cùng một người đảm nhận không?			
2. Công ty có quy định về định mức tiền mặt tồn quỹ tối đa không? Mức quy định (nếu có) là.....,			
3. Các khoản chi tiêu có được lên kế hoạch để Giám đốc phê duyệt trước không? Nếu có kế hoạch chi tiêu được lập theo tuần / tháng/ <u>quý</u> (<i>gạch chân phương án thực hiện</i>)			
4. Hàng tháng kế toán tiền mặt có đối chiếu với thủ quỹ không?			
5. Việc đối chiếu giữa kế toán và thủ quỹ có được lập thành văn bản không?			
6. Tiền mặt tồn quỹ được kiểm kê 1 tháng / 1 quý / <u>1năm</u> (<i>gạch chân phương án thực hiện</i>) một lần?			
7. Có quy định các khoản tiền thu về phải được gửi ngay vào ngân hàng vào cuối ngày không?			
8. Việc đối chiếu với ngân hàng có được thực hiện hàng tháng không?			

<p>9. Các khoản chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán và sổ phụ ngân hàng có được ghi chép lại để tìm nguyên nhân và giải quyết không?</p>			
<p>10. Các khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ có được theo dõi riêng không?</p>			
<p>11. Các phiếu thu/chi tiền có được đánh số thứ tự theo thời gian thực thu/chi tiền không?</p>			
<p>12. Mọi chứng từ chi tiền có bắt buộc phải có duyệt chi của Giám đốc trước khi chi không? Nếu không, các phiếu chi được ký hàng ngày, hàng tuần hay hàng tháng?</p>			
<p>13. Có quy định về việc uỷ quyền cho phó Giám đốc hoặc kế toán trưởng ký duyệt chi trong trường hợp Giám đốc đi công tác không?</p>			
<p>14. Các phiếu chi và chứng từ kèm theo có được đóng dấu [đã thanh toán] để tránh việc thanh toán trùng, tái sử dụng không?</p>			
<p>15. Các phiếu thu, phiếu chi bị hủy bỏ có dấu hiệu hủy bỏ để tránh việc sử dụng không? Tất cả các liên có được lưu tại cuống không?</p>			
<p>16. Ban lãnh đạo có yêu cầu phải lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo định kỳ hàng tháng để theo dõi các luồng tiền lưu chuyển không?</p>			
<p>17. Ban lãnh đạo có thực hiện kiểm quỹ tiền mặt bất thường không?</p>			
<p>22. Nếu có, đơn vị có lập biên bản kiểm quỹ và lưu giữ trong chứng từ kế toán không?</p>			

Giải pháp 3: Hoàn thiện thủ tục phân tích

Thủ tục phân tích có thể giúp cho KTV có cái nhìn tổng quát về khoản mục này, cho những đánh giá sơ bộ về tiền từ đó có kế hoạch kiểm toán chi tiết phù hợp với đặc điểm của đơn vị được kiểm toán, giúp cho KTV giảm các thử nghiệm chi tiết, tiết kiệm thời gian và tăng hiệu quả của cuộc kiểm toán. Đối với khoản mục tiền, KTV nên vận dụng thủ tục phân tích đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đây là một công cụ hữu ích để KTV thấy được nguyên nhân biến động của tiền trong năm nay so với năm trước.

Dựa vào kết quả kiểm toán kỳ trước, KTV kết luận số dư vốn bằng tiền năm trước là không có sai sót trọng yếu và thấy số dư vốn bằng tiền năm nay là 1.593.460.576 và năm trước là 2.263.880.321. Từ những số liệu trên KTV tiến hành phân tích xem vốn bằng tiền năm nay giảm 29,61% là do đâu, có gì bất thường trong khoản giảm này không. Do vậy, KTV tiến hành phân tích Báo cáo lưu chuyển tiền tệ để xem xét sự giảm xuống của tiền.

Bảng 3.2: Bảng phân tích chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2011 (VNĐ)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối (VNĐ)	Tương đối(%)
1	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.954.026.849)	6.757.623.741	(15.711.650.590)	(233)
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4.098.650.163)	(1.282.092.515)	(2.816.557.648)	(220)
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	12.378.417.220	(4.612.729.750)	16.991.146.970	368
4	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(674.259.792)	862.801.476	(1.537.061.268)	(178)
5	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.263.880.321	1.536.047.068	727.833.253	47
6	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1.593.460.576	2.263.880.321	(670.419.745)	(30)

Qua các tính toán trên ta thấy tiền thu từ hoạt động kinh doanh năm 2012 giảm 233% so với năm 2011. Điều này cho thấy dòng thu tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm chủ yếu do việc chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ và cho hoạt động kinh doanh tăng trong khi đó tiền thu từ hoạt động này có tăng lên nhưng tốc độ tăng thì nhỏ hơn nhiều tốc độ tăng của việc chi. Nguyên nhân là do công ty mới thực hiện mở rộng sản xuất nên chi tiêu sẽ tăng lên còn việc thu về từ hoạt động này có thể tăng lên trong nhiều năm tới. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành kiểm tra chi tiết KTV nên xem xét kỹ việc chi tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh như mua hàng hoá, vật tư có hợp lý không.

Dựa vào các kết quả trên ta nhận thấy rằng tiền thu từ hoạt động đầu tư năm 2012 giảm 220% so với năm 2011. Dòng tiền này giảm là do trong năm đơn vị tiến hành thanh lý cũ, lỗi thời nhằm thay đổi máy móc thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh. Kết quả là tài sản cố định đã tăng từ 12.548.699.102 lên 13.843.641.023. Kiểm toán viên cần chú ý đến việc thanh lý tài sản cố định và mua tài sản cố định mới có đúng đắn hay không trong quá trình kiểm toán.

Tiếp theo, KTV dựa vào dòng lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính, ta thấy dòng tiền năm 2012 tăng 368% so với năm 2011 do trong kỳ công ty đã vay nhiều hơn trả nợ gốc vay. Đơn vị đi vay chủ yếu nhằm mục đích phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh. Nhưng KTV cần xem xét các hợp đồng vay của đơn vị có thực sự hiện hữu hay không.

Vậy thông qua những kết quả phân tích sơ bộ ở trên, ta nhận thấy rằng những sự thay đổi về dòng lưu chuyển tiền thuần như vậy là phù hợp với xu hướng phát triển của đơn vị là mở rộng sản xuất kinh doanh. Như vậy, KTV cần lưu ý các chi tiêu cho hoạt động đầu tư, hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính trong quá trình kiểm tra chi tiết.

KẾT LUẬN

Qua một thời gian tuy không dài thực tập tốt nghiệp, em đã tìm hiểu được rất nhiều kiến thức thực tế về kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát. Em đã có cơ hội được vận dụng những kiến thức mình được học ở trường vào một phần công việc đồng thời cũng nâng cao được hiểu biết của bản thân về quy trình kiểm toán nói chung và kiểm toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty. Trong quá trình thực tập em đã được các anh chị trong Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi và giúp đỡ rất nhiệt tình. Chính vì vậy em đã có thể thực hiện tốt công việc của mình trong thời gian thực tập tại Công ty.

Bên cạnh đó, nhờ có sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo **Th.S Trần Thị Thanh Phương** em đã hoàn tất bài khoá luận của mình. Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng do những hạn chế nhất định nên trong quá trình viết khoá luận, chắc chắn em còn nhiều thiếu sót. Rất mong cô giáo nhận xét, góp ý cho khoá luận tốt nghiệp này để em có thể rút kinh nghiệm cho những lần nghiên cứu sau.

Em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát và giáo viên hướng dẫn Th.S Trần Thị Thanh Phương đã giúp em hoàn thành khoá luận một cách tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kiểm toán tài chính – Đồng chủ biên: GS. TS. Nguyễn Quang Quỳnh – TS. Ngô Trí Tuệ - Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân.
2. Thực hành kiểm toán một số bộ phận cơ bản của báo cáo tài chính – TS. Lưu Đức Tuyên, Ths. Đậu Ngọc Châu – Nhà xuất bản tài chính.
3. Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA)
4. Hồ sơ kiểm toán Công ty TNHH Vân Long năm 2012 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn kế toán An Phát thực hiện.